

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Trụ sở chính: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại (0236) 3622 007

Fax (0236) 3642 423

Website: [www.moitruongdothidanang.com.vn](http://www.moitruongdothidanang.com.vn)

Email: [ctmtdt@danang.gov.vn](mailto:ctmtdt@danang.gov.vn)

2020



**DNURENCO**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

# Mục Lục

## Thông tin chung 1

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình hoạt động và cơ cấu quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

## Tình hình hoạt động trong năm 19

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững

## Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc 49

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty 61

- Đánh giá các mặt hoạt động
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## Quản trị công ty 67

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

## Báo cáo tài chính hợp nhất 79

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

# 01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



<b>Tên giao dịch</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
<b>Tên tiếng Anh</b>	DANANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	0400228640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 12/12/2018.
<b>Vốn điều lệ</b>	57.736.000.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	73.084.285.536 đồng (tính tại ngày 31/12/2020)
<b>Trụ sở chính</b>	471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
<b>Số điện thoại</b>	(0236) 3622 007
<b>Số fax</b>	(0236) 3642 423
<b>Website</b>	<a href="http://www.moitruongdothidanang.com.vn">www.moitruongdothidanang.com.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	DNE





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1975

Công ty Vệ sinh Đà Nẵng, tiền thân của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng, được thành lập từ việc tiếp quản Công ty Vệ sinh của chế độ cũ.

1985

Công ty trực thuộc thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

1992

03 đơn vị Xí nghiệp Công trình Đô thị, Xí nghiệp Điện Chiếu sáng và Công ty Vệ sinh Đà Nẵng sáp nhập thành Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng.

1993

Tiến hành tách 03 Xí nghiệp của Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng như cũ và Công ty đổi tên thành Công ty Môi trường Đô thị thành phố Đà Nẵng, trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

1997

Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng được tách thành Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam. Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Giao thông Công chính Thành phố Đà Nẵng.

2008

Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng.

2010

Công ty chuyển thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 3950/QĐ-UB ngày 26/5/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy CNĐKDN số 0400228640 lần đầu ngày 24/06/2010.

2015

Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015.

2016

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.

2017

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.400 đồng/CP.

2018

Ngày 05/12/2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã thực hiện điều chỉnh loại chứng khoán từ chuyển nhượng có điều kiện sang chuyển nhượng tự do đối với 13.200 cổ phiếu DNE của 22 cổ đông theo đề nghị của Công ty tại công văn số 786/MTĐT-TCHC ngày 30/11/2018; Doanh nghiệp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 ngày 12/12/2018.

2019

Ngày 15/11/2019, hợp tác giữa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM và Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng (DNurenco) để đầu tư hệ thống thiết bị xử lý dross với công suất 600 kg/giờ (chia làm hai giai đoạn, mỗi giai đoạn 300 kg/giờ).

2019

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã tăng 3,43 lần so với năm 2015 khi Công ty vừa mới Cổ phần hóa.





## Các giải thưởng tiêu biểu

2001

- 18/01/2001: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông "Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2000" Quyết định số 232/QĐ-BGTVT;
- 25/04/2001: Bằng khen của Bộ trưởng - Trưởng ban chỉ đạo Quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường theo QĐ số: 02/2001/BCĐ-QĐ;
- 28/05/2001: Chủ tịch nước tặng thưởng "Huân chương lao động hạng nhất" Quyết định số 424/2001/QĐ/CTN;
- 27/12/2001: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen "Đã có thành tích tốt trong phong trào quần chúng Bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2001" Quyết định số 8334/QĐ-UB.

2002

- Ngày 04/01/2002: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2001 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số 25-QĐ/QU;
- Ngày 15/01/2002: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông "Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2001" Quyết định số 138/QĐ-BGTVT.

2003

- Ngày 15/01/2003: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2002 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số 56-QĐ/QU; Cờ thi đua của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam theo QĐ số: 173/QĐ-TLĐ;
- Ngày 13/02/2003: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông "Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2002" Quyết định số 351/QĐ-BGTVT.

2004

- Ngày 02/03/2004: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen "Đã hoàn thành tốt công tác vệ sinh đô thị phục vụ các ngày lễ lớn trong năm 2003" Quyết định số 1518/QĐ-UB;
- Ngày 20/07/2004: Bằng khen của Liên Đoàn Lao Động Thành phố Đà Nẵng theo QĐ số: 71/QĐLĐLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Công Đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2004);
- Ngày 27/11/2004: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen "Đã có thành tích tốt trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị năm 2003" Quyết định số 581/QĐ-UB.

2005

- Ngày 27/01/2005: Bằng khen của UBND thành phố Đà Nẵng Theo QĐ số 745/QĐ-UB đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác Công đoàn năm 2004.
- Ngày 29/03/2005: Bằng khen của Tổng Cục Thuế theo QĐ số 148/TCT/QĐ/VP đã có thành tích hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế năm 2004;
- Ngày 22/12/2005: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen "Đã thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả cơn bão số 8 năm 2005" Quyết định số 9828/QĐ-UB.

2006

- Ngày 05/01/2006: Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo QĐ số 33/QĐ-TLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2005;
- Ngày 31/03/2006: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen "Đã thực hiện tốt kế hoạch vệ sinh môi trường đô thị phục vụ Tết Bính Tuất năm 2006" theo Quyết định số 1518/QĐ-UB;
- Ngày 11/05/2006: Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng giải thưởng Môi trường năm 2006, Quyết định số 641/QĐ-BTNMT.

2007

- Ngày 12/01/2007: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2006 của Quận ủy Hải Châu.

2008

- Ngày 07/01/2008: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2007 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số:1107-QĐ/QU;
- Ngày 20/03/2008: Cờ thi đua Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng năm 2007 "Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2007" theo Quyết định số 2436/ QĐ-UB.

2009

- Ngày 30/03/2009: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua "Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2008" theo Quyết định số 2360/QĐ-UB;
- Ngày 28/05/2009: Thủ Tướng Chính phủ tặng thưởng "Cờ thi đua Chính phủ năm 2008" Quyết định số 684/QĐ-TTg;
- Ngày 22/12/2009: Đảng bộ đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 2009 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số: 2575-QĐ/QU.

2010

- Ngày 22/01/2010: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua "Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2009" theo Quyết định số 626/QĐ-UB;
- Ngày 14/04/2010: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen "đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi 5 năm (2005-2010)" theo Quyết định số 2988/QĐUB;
- Ngày 31/08/2010: Chủ tịch nước tặng thưởng "Huân chương Độc lập hạng ba" quyết định số 1460/QĐ/CTN.

2020



## Ngành nghề kinh doanh

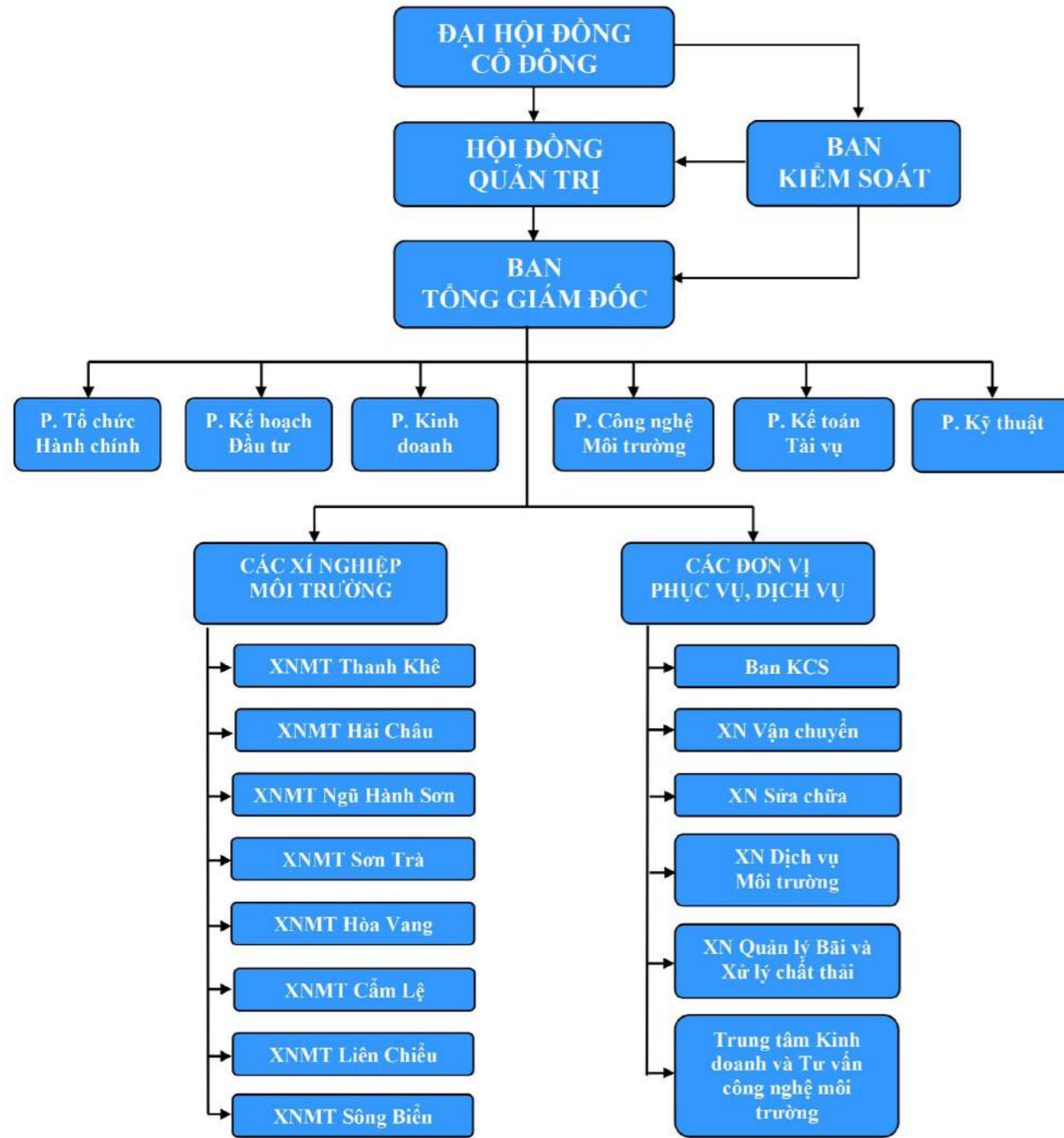
STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu.	3821
2	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp.	3822
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải.	4669
4	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển.	3900
5	<b>Thu gom rác thải không độc hại.</b> <b>Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu.</b>	<b>3811 (Chính)</b>
6	Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp.	3812
7	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường.	4520
8	Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu.	3700

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
9	Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường.	4220
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển.	8129
11	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.	7490
12	Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải.	3830
13	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.	2023





# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



## Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là các tuyến đường, công viên, khu dân cư, khu công nghiệp tại thành phố Đà Nẵng. Đà Nẵng là một thành phố có tốc độ phát triển nhanh, năng động, nhất là phát triển về du lịch, do đó nhu cầu bảo vệ và gìn giữ vệ sinh môi trường là rất lớn. Đây sẽ là tiền đề cho sự phát triển của Công ty.







### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Thực hiện sắp xếp lại bộ máy theo mô hình tổ chức gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, xây dựng cơ chế hỗ trợ các tổ chức đoàn thể trong đơn vị hoạt động tốt nhằm động viên, phát huy quyền dân chủ của người lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tổ chức giao khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng bộ phận quản lý và người lao động nhằm kiểm soát việc phát sinh chi phí ngoài kế hoạch nhưng vẫn đảm bảo đời sống người lao động.

Tăng cường công tác kiểm tra việc bảo vệ tài sản công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được giao, phần đầu là đơn vị chủ lực trong việc thực hiện dịch vụ vệ sinh đô thị, đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực phương tiện trang thiết bị phục vụ thu gom, vận chuyển xử lý rác thải.

Từng bước mở rộng và tham gia đấu thầu nhiều gói thầu thi công có giá trị lớn đối với các lĩnh vực mà công ty có lợi thế cạnh tranh cao nhằm nâng cao doanh thu hàng năm của Công ty và tạo việc làm nâng cao thu nhập cho người lao động.

### Mục tiêu về thị trường

Tham gia đấu thầu thành công gói thầu cung ứng dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng. Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, xây dựng chiến lược phát triển Công ty bền vững, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Duy trì và phát triển sản phẩm dịch vụ công ích đô thị gồm: vệ sinh môi trường, chăm sóc hoa, cây xanh đường phố, công viên công cộng; chiếu sáng đô thị, duy tu bảo dưỡng đường bộ, đồng thời mở rộng dịch vụ tư vấn thiết kế và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và các hoạt động kinh doanh Vườn hoa thành phố, quản lý nghĩa trang... nhằm tối đa hóa lợi nhuận, nâng cao giá trị Công ty.

### Mục tiêu về lợi nhuận

Chỉ tiêu về lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức/vốn điều lệ bằng hoặc tăng đều qua các năm từ 2021-2025 phần đầu tăng tối thiểu 9%, trong giai đoạn này Công ty đầu tư khu xử lý chất thải nguy hại mới nên có thể gặp áp lực về chi phí khấu hao và chi phí trả lãi ngân hàng. Công ty sẽ tập trung nâng doanh thu từ hoạt động xử lý chất thải nguy hại, các dịch vụ khác để năm 2025 doanh thu đạt mức 300 tỷ đồng.

Hai năm đầu nhiệm kỳ Công ty tập trung tăng doanh thu từ hoạt động dịch vụ vệ sinh môi trường, tăng cường hoạt động kinh doanh khác; đến năm 2023 khu xử lý chất thải nguy hại đi vào hoạt động ổn định, doanh thu từ hoạt động xử lý chất thải nguy hại kỳ vọng tăng khoảng 40% so với năm 2021, các năm tiếp theo duy trì mức tăng 20-30%.





## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Doanh thu của Công ty phần lớn đến từ các dịch vụ về hoạt động đô thị, chính vì vậy quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp sẽ gắn liền với tốc độ đô thị hóa và các chính sách về giải ngân đầu tư công, phụ thuộc rất nhiều vào sự ổn định vĩ mô của nền kinh tế.

Năm 2020, tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, chịu rủi ro kép từ cuộc thương chiến Mỹ - Trung và đại dịch Covid-19. Điều này khiến nền kinh tế thế giới tăng trưởng âm 4,40%, theo dự đoán của Quỹ tiền tệ Quốc Tế (IMF). Mặc dù Việt Nam là một trong 4 nền kinh tế ( Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Ai Cập ) đạt được tăng trưởng dương, cụ thể 2,91% theo số liệu của Tổng cục thống kê, nhưng đây là con số tăng trưởng thấp nhất trong thập kỷ qua. Điều này cho thấy Việt Nam cũng bị ảnh hưởng rất nặng từ đợt khủng hoảng lần này, dẫn đến tình hình khó khăn chung cho hầu hết doanh nghiệp ở các lĩnh vực khác nhau trong đó có DNE.

Sang năm 2021, các tổ chức kinh tế uy tín như World Bank, IMF đưa ra dự đoán GDP toàn cầu sẽ phục hồi 4,20% riêng Việt Nam thì xấp xỉ 7% xoay quanh câu chuyện tăng mạnh đầu tư công. Đây là cơ hội tăng trưởng dành cho ngành dịch vụ nói chung và DNE nói riêng. Tuy nhiên việc đẩy mạnh đầu tư công cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro ô nhiễm môi trường, gây khó khăn cho Công ty trong việc xử lý chất thải ô nhiễm. Công ty cũng đã có những biện pháp dự phòng để thích ứng khi những hệ lụy từ việc đẩy mạnh đầu tư công diễn ra.



### Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tiện ích công cộng nên giá đầu ra của hầu hết các dịch vụ đều bị quy định và phụ thuộc vào cơ chế điều chỉnh của các cơ quan ban ngành. Trong khi đó, nguồn chi phí nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty phát sinh thường xuyên và phải thanh toán ngắn hạn khiến nguồn thu đầu ra thường sẽ không theo kịp mức chi của đầu vào. Bên cạnh đó, các loại chi phí như nhân công, nguyên vật liệu đầu vào thay đổi liên tục, chi phí cho máy móc có xu hướng tăng do phải đổi mới các thiết bị hiện đại có giá thành cao. Để hạn chế rủi ro này, Công ty phải hoạch định rõ mục tiêu và chiến lược trong ngắn hạn và dài hạn để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả.



## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### Rủi ro cạnh tranh

Trên địa bàn thành phố hiện nay ngày càng xuất hiện nhiều doanh nghiệp tư nhân hoạt động cùng lĩnh vực với Công ty. Bên cạnh đó, Chính phủ đã và đang khuyến khích khu vực tư nhân tham gia thực hiện các dịch vụ công ích thông qua việc áp dụng hình thức đấu thầu thay vì chỉ định nhà thầu như trước đây. Điều này đòi hỏi Công ty phải tiếp tục tập trung nâng cao năng lực cải tiến chất lượng dịch vụ để có thể trúng thầu thực hiện các dự án.

### Rủi ro pháp luật

Thực trạng hiện nay các chính sách và pháp luật vận hành ngành dịch vụ môi trường còn chưa được hoàn thiện, các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, các chế tài không đủ mạnh để răn đe các hành vi phá hoại môi trường. Trong tương lai, Chính phủ sẽ còn hoàn thiện hệ thống pháp luật, các chính sách kinh tế, ban ngành, sẽ liên tục được sửa đổi, cải cách. Vì vậy, Công ty cần phải thường xuyên cập nhật và linh hoạt thích nghi để nhận diện kịp thời các rủi ro về vận hành và có hướng giải quyết phù hợp.

### Rủi ro về môi trường

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xây dựng công trình và vệ sinh môi trường nên phụ thuộc rất nhiều vào môi trường và ý thức của người dân. Ngược lại, nếu hoạt động thu gom rác và xử lý chất thải nếu không thực hiện tốt sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân hiện tại và môi trường sống về sau.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế, tình trạng ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường ngày càng gia tăng. Là thành phố trọng điểm, phát triển kinh tế toàn diện đặc biệt là ngành du lịch, lượng rác thải tại Đà Nẵng có xu hướng tăng nhanh, khiến bãi rác quá tải. Thực tế này đang đặt ra những yêu cầu cấp bách cần phải có những chính sách phù hợp nhằm thích ứng, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

Gần đây tình trạng biến đổi khí hậu khắc nghiệt ngày càng diễn ra thường xuyên ở khu vực miền Trung và thành phố Đà Nẵng, điển hình là trận lũ cuối năm 2020 gây thiệt hại rất nặng về mặt môi trường ở khu vực. Trước diễn biến môi trường ngày càng bất lợi, Công ty đã nỗ lực để hạn chế tối đa các tác động trên bằng cách thường xuyên nâng cao năng lực về con người, trang thiết bị và các biện pháp xử lý.



### Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro do biến động chính trị, xã hội, chiến tranh, thiên tai, bệnh dịch... Những rủi ro này mặc dù khó xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp nặng nề đến khả năng hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, rủi ro bị động về chuỗi quy trình hoạt động chẳng hạn như các dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải trên địa bàn thành phố, không hiệu quả, chậm tiến độ, quá tải sẽ tác động trực tiếp đến chất lượng dịch vụ và kết quả kinh doanh của Công ty.



## 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn CSH

Báo cáo phát triển bền vững



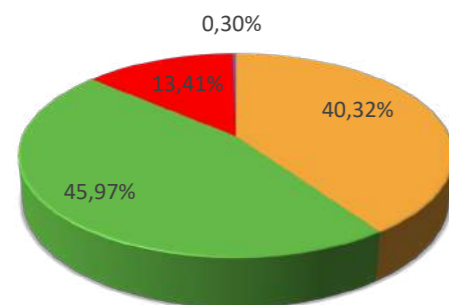
# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Cơ cấu doanh thu thuần

ĐVT: Triệu đồng

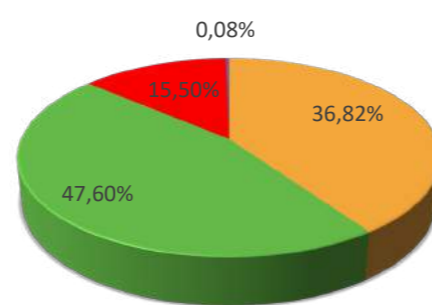
Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.	105.666	40,32%	95.595	36,82%	-9,53%
Doanh thu thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước.	120.474	45,97%	123.579	47,60%	2,58%
Doanh thu dịch vụ thu gom rác thải y tế, công nghiệp, xử lý	35.137	13,41%	40.237	15,50%	14,51%
Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học.	790	0,30%	188	0,08%	-76,20%
<b>Tổng cộng</b>	<b>262.067</b>	<b>100,00%</b>	<b>259.599</b>	<b>100,00%</b>	<b>-0,94%</b>

Cơ cấu doanh thu 2019

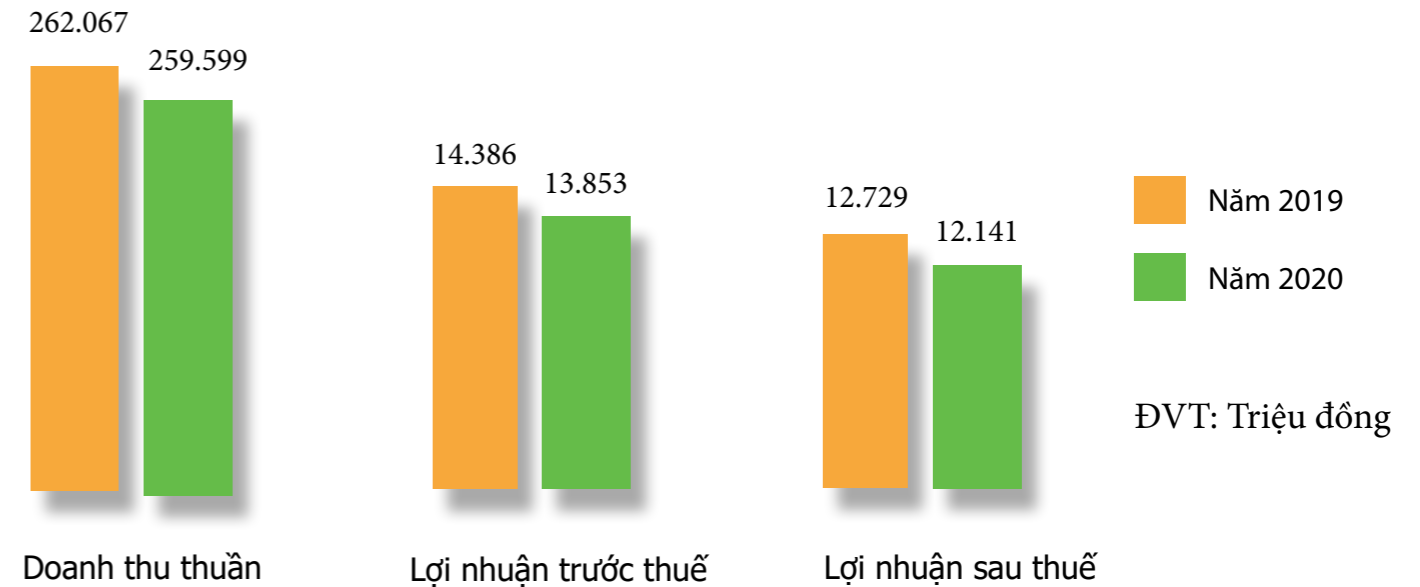


- Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.
- Doanh thu thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước.
- Doanh thu dịch vụ thu gom rác thải y tế, công nghiệp, xử lý bùn.
- Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học.

Cơ cấu doanh thu 2020



- Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.
- Doanh thu thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước.
- Doanh thu dịch vụ thu gom rác thải y tế, công nghiệp, xử lý bùn.
- Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học.



Trong năm 2020 cơ cấu doanh thu của Công ty vẫn không thay đổi. Nguồn thu chủ lực vẫn chia đều ở hai mục dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước. Tuy nhiên so với năm 2019, thì doanh thu thu gom rác thải y tế, công nghiệp, xử lý bùn của Công ty tăng trưởng ấn tượng nhất với tỷ lệ hơn 14%, ngược lại doanh thu hoạt động bán thùng rác và chế phẩm sinh học bị thu hẹp hơn 76% vì năm 2020 nguồn thu của Công ty tập trung ở các lĩnh vực thế mạnh.

Doanh thu năm vừa rồi tăng trưởng âm 0,94%, nguyên nhân chủ yếu là do tác động tiêu cực từ đợt bùng dịch Covid-19 lần 2 ở Thành phố Đà Nẵng, khiến cho lượng nhân công lao động ở hiện trường bị thiếu hụt và các ngành nghề liên quan thúc đẩy tăng trưởng doanh thu của Công ty như du lịch, giao thương bị đình trệ.

Trong năm qua lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty cũng bị sụt giảm lần lượt 3,70% và 4,62%, nguyên nhân chủ yếu là do bị ảnh hưởng từ việc sụt giảm doanh thu. Tuy nhiên vì ngành dịch vụ môi trường đô thị ngày càng quan trọng, đóng góp trực tiếp vào quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa đất nước cho nên mức độ ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 của Công ty so với các ngành nghề khác tương đối thấp.





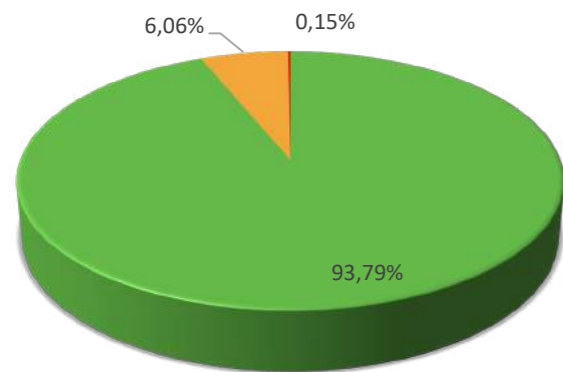
# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Cơ cấu chi phí

ĐVT: Triệu đồng

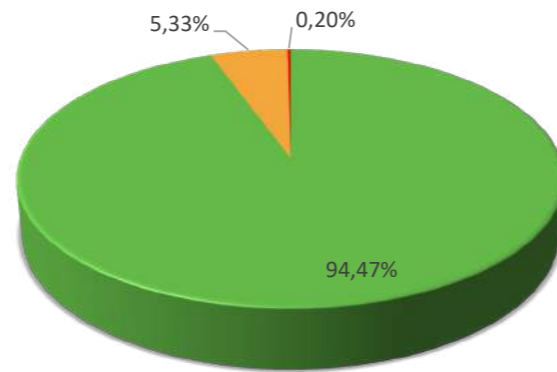
Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Giá vốn hàng bán	232.961	93,79%	234.093	94,47%	0,49%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.985	6,06%	13.196	5,33%	-11,94%
Chi phí khác	380	0,15%	503	0,20%	32,37%
Tổng cộng	248.326	100,00%	247.792	100,00%	-0,22%

### Cơ cấu chi phí 2019

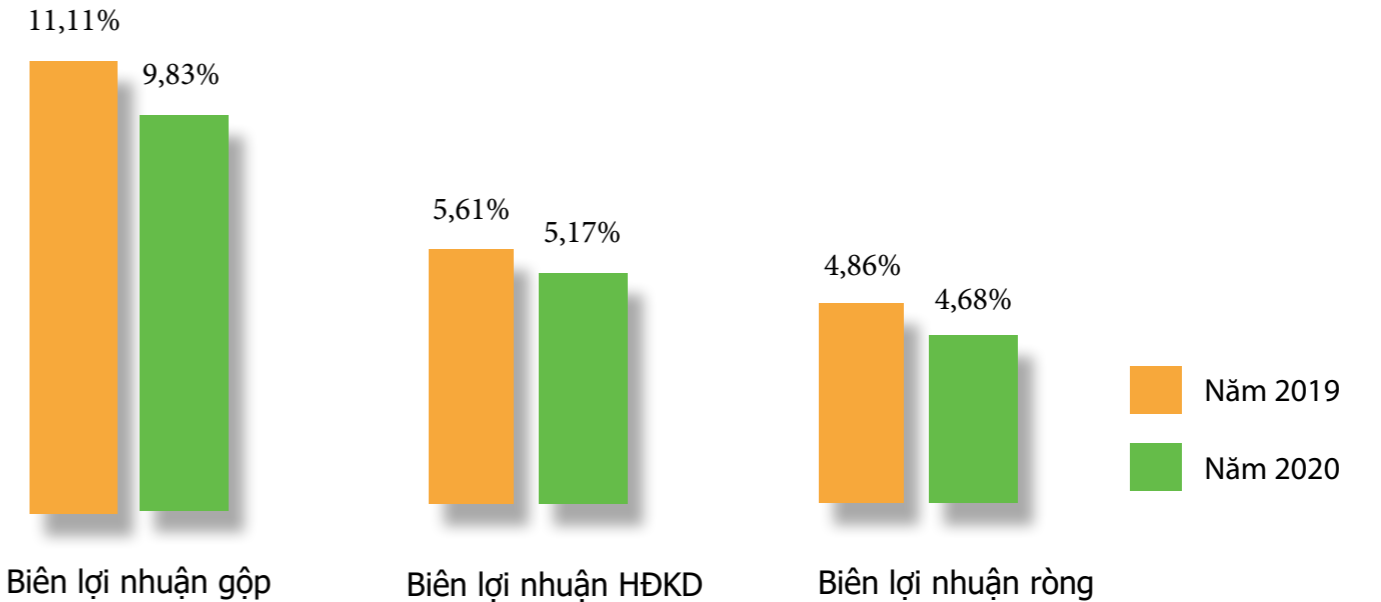


- Giá vốn hàng bán
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí khác

### Cơ cấu chi phí 2020



- Giá vốn hàng bán
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí khác



Năm vừa qua, giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty, hơn 90%. Sự chuyển dịch cơ cấu chi phí chủ yếu diễn ra ở chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác của Công ty. Trong đó, chi phí khác tăng là do thiệt hại từ cơn bão số 9 đổ bộ vào Đà Nẵng hồi tháng 10/2020, gây ảnh hưởng nặng đến cảnh quan đô thị và phá hủy hàng loạt cây xanh ở địa bàn thành phố. Tuy nhiên chi phí này vẫn chỉ chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu trong năm của Công ty. Điểm tích cực là các khoản phạt vi phạm hành chính đã giảm đáng kể so với các năm trước.

Trong năm qua, hầu hết các biên lợi nhuận của Công ty đều sụt giảm. Trong đó biên lợi nhuận gộp giảm hơn 1,2 điểm phần trăm là hệ quả của việc doanh thu giảm 0,94% nhưng giá vốn hàng bán của Công ty lại tăng 0,49%, vì các chi phí thực hiện dịch vụ trong cơ cấu giá vốn của Công ty tăng nhẹ trong năm vừa qua. Vấn đề tốc độ tăng trưởng doanh thu không theo kịp tốc độ gia tăng chi phí hoạt động và chi phí quản lý của Công ty đã tồn đọng trong nhiều năm qua. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa được UBND Thành phố Đà Nẵng điều chỉnh kịp thời đơn giá đầu ra khiến cho doanh thu của Công ty bị động trong khi các yêu cầu chất lượng cung cấp dịch vụ ngày càng cao khiến cho chi phí thực hiện tăng nhanh hơn doanh thu của Công ty.





Stt	Họ Tên	Chức Vụ	Số lượng cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Võ Minh Đức	Tổng Giám đốc	985.412	17,068%
2	Võ Thị Huỳnh Trang	Phó Tổng Giám đốc	59.700	2,17%
3	Trần Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	4.700	0,081%
4	Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc	985.012	17,061%
5	Võ Thị Mận	Phụ trách Kế toán	2.900	0,05%



BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG VÕ MINH ĐỨC**

Năm sinh 14/06/1972.

Quốc tịch Việt Nam.

Trình độ chuyên môn Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Chức vụ hiện nay Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số cổ phần cá nhân sở hữu 3.900 CP, chiếm 0,068% VDL.

Số cổ phần đại diện sở hữu 985.512 CP, chiếm 17,000% VDL.

**Quá trình công tác**

09/1995 - 04/2002 Công tác tại phòng Kế toán Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

05/2002 - 04/2005 Đội trưởng Đội Môi trường số 2, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

05/2005 - 07/2005 Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

08/2005 - 12/2005 Quyền Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

01/2006 - 06/2006 Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê.

07/2006 - 06/2011 Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê.

07/2011 - 09/2015 Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

10/2015 - 11/2018 Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

12/2018 - nay Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.



## BAN ĐIỀU HÀNH

### BÀ VÕ THỊ HUỖNH TRANG

Năm sinh	02/08/1975.
Quốc tịch	Việt Nam.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ.
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số cổ phần cá nhân sở hữu Không.

Số cổ phần đại diện sở hữu Không.

#### Quá trình công tác

1997 - 2001	Làm việc tại Văn phòng hướng dẫn tham quan du lịch Hội An- Chức vụ: Phó văn phòng.
2002 - 07/2012	Làm việc tại Công ty thành viên của Tổng công ty cổ phần Vinaconex- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty.
08/2012 - 07/2019	Làm việc tại Công ty CP Môi trường Việt Nam- là cổ đông chiến lược của công ty CP Môi trường đô thị Đà Nẵng- Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty CP MTVN kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Môi trường đô thị Đà Nẵng.
07/2019 - nay	Được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty theo Nghị quyết số 07/NQHĐQT ngày 10/7/2019.

### ÔNG TRẦN VĂN TIÊN

Năm sinh	15/05/1961.
Quốc tịch	Việt Nam.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh.
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số cổ phần cá nhân sở hữu 4.700 CP, chiếm 0,081% VDL.

Số cổ phần đại diện sở hữu Không.

#### Quá trình công tác

08/1979 - 11/1983	Trung sĩ - Tiểu đội trưởng E810, F342 Quân khu IV.
12/1983 - 05/1985	Học văn hóa, làm thợ tự do.
05/1985 - 10/1989	Cán bộ Phòng Tổ chức Công ty Vệ sinh Đà Nẵng.
10/1986 - 05/1996	Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công ty Vệ sinh Đà Nẵng.
11/1989 - 03/1992	Đội trưởng đội Vệ sinh Môi trường TP. Đà Nẵng.
1993 - 2003	Đội trưởng đội Môi trường số 4, Công ty Môi trường Đô thị TP. Đà Nẵng.
2003 - 12/2008	Trải qua các chức vụ Phó phòng Kế hoạch, Trưởng phòng KCS Môi trường, Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty Môi trường đô thị TP. Đà Nẵng.
01/2009 - 01/2016	Giám đốc Xí nghiệp Xử lý chất thải nguy hại, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
01/20016 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô Thị Đà Nẵng.





## BAN ĐIỀU HÀNH

### ÔNG PHẠM QUANG SÁNG

Năm sinh	05/10/1961.
Quốc tịch	Việt Nam.
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Quản lý doanh nghiệp công nghiệp.
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	3.500 CP, chiếm 0,061% VDL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	981.512 CP, chiếm 17,000% VDL.

#### Quá trình công tác

05/1980	Đi bộ đội tại huyện Quế Sơn và điều động về Ban Thông tin Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.
05/1983	Học sĩ quan dự bị tại Trường Quân chính Quân khu V.
01/1984 - 05/1989	Chuyên viên phòng Tổ chức Sở Công nghiệp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Trong thời gian này học tại Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng (1986 - 1991).
05/1989 - 10/2007	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Hữu Nghị Đà Nẵng.
04/2008 - 08/2009	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
09/2009 - 01/2016	Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
01/2016 - 12/2018	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
12/2018 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

### BÀ VÕ THỊ MẶN

Năm sinh	15/07/1982.
Quốc tịch	Việt Nam.
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành Kế toán.
Chức vụ hiện nay	Phụ trách kế toán Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	2.900 CP, chiếm 0,05% VDL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không.

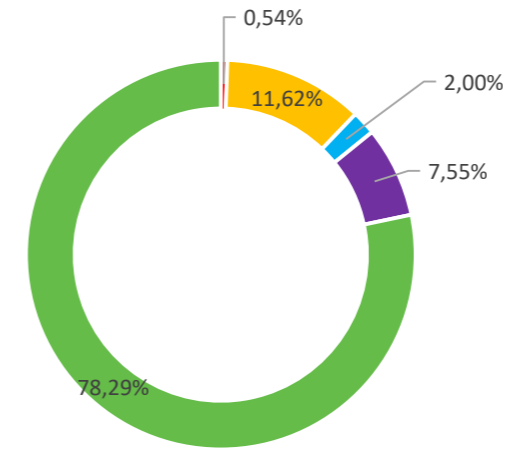
#### Quá trình công tác

02/2015 - 04/2017	Kế toán tại Xí nghiệp Vận chuyển thuộc Công ty.
05/2017 - 08/2018	Kế toán tại phòng KTTV Công ty.
09/2019 - nay	Phụ trách kế toán Công ty.

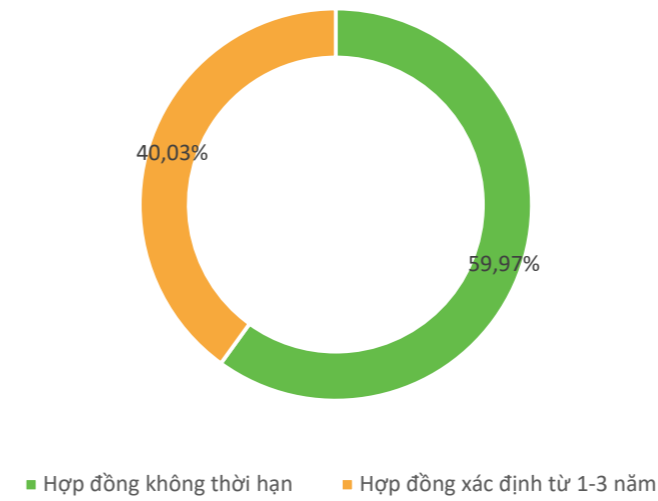


## Số lượng cán bộ công nhân viên

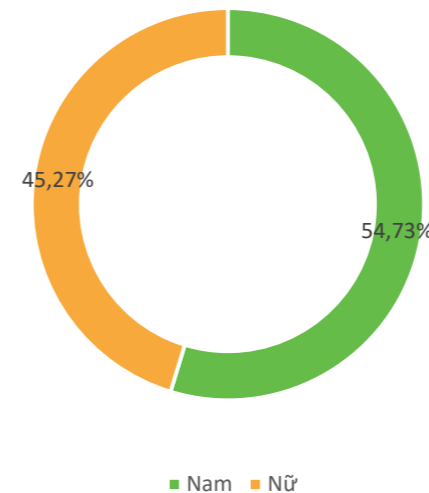
Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	<b>Theo trình độ lao động</b>	1.299	100,00
1	Trình độ trên đại học	7	0,54
2	Trình độ đại học, cao đẳng	151	11,62
3	Trình độ trung cấp	26	2,00
4	Công nhân kỹ thuật	98	7,55
5	Lao động phổ thông	1.017	78,29
B	<b>Tính chất hợp đồng lao động</b>	1.299	100,00
1	Hợp đồng không thời hạn	779	59,97
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	520	40,03
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0
C	<b>Theo giới tính</b>	1.299	100,00
1	Nam	711	54,73
2	Nữ	588	45,27



■ Trình độ trên đại học   
 ■ Trình độ đại học, cao đẳng   
 ■ Trình độ trung cấp  
■ Công nhân kỹ thuật   
 ■ Lao động phổ thông



■ Hợp đồng không thời hạn   
 ■ Hợp đồng xác định từ 1-3 năm



■ Nam   
 ■ Nữ

## Phân loại theo trình độ lao động

Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực môi trường nên trong năm 2020, lao động phổ thông vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu lao động theo trình độ của Công ty. Trong năm qua vì đại dịch Covid-19 và sự tàn phá của cơn bão số 9 nên phần lớn công việc của Công ty là các dịch vụ hiện trường đòi hỏi lượng lớn lao động phổ thông hơn năm 2019.

## Phân loại theo loại hợp đồng

Công ty có lịch sử hoạt động lâu dài ở Thành phố Đà Nẵng nên đội ngũ CBCNV có hợp đồng không thời hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lao động. Tỷ lệ này so với năm ngoái có sụt giảm, vì Công ty phải cân đối lại cơ cấu nhân sự để ổn định hoạt động trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành kinh tế. Tuy nhiên khi tình hình kinh tế của Thành phố Đà Nẵng khả quan hơn thì BLĐ sẽ đẩy mạnh các chính sách tuyển dụng để gia tăng đội ngũ nhân sự chất lượng và gắn bó với Công ty.

## Phân loại theo giới tính

Trong 1.299 lao động của Công ty, có 711 lao động là nam giới tương ứng với tỷ lệ 54,73% và 588 lao động là nữ giới chiếm 45,27%. Vì đặc thù ngành nghề, phần lớn công việc nặng nhọc sẽ phải thực hiện ở ngoài hiện trường nên đòi hỏi người lao động phải có thể lực tốt để đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc.

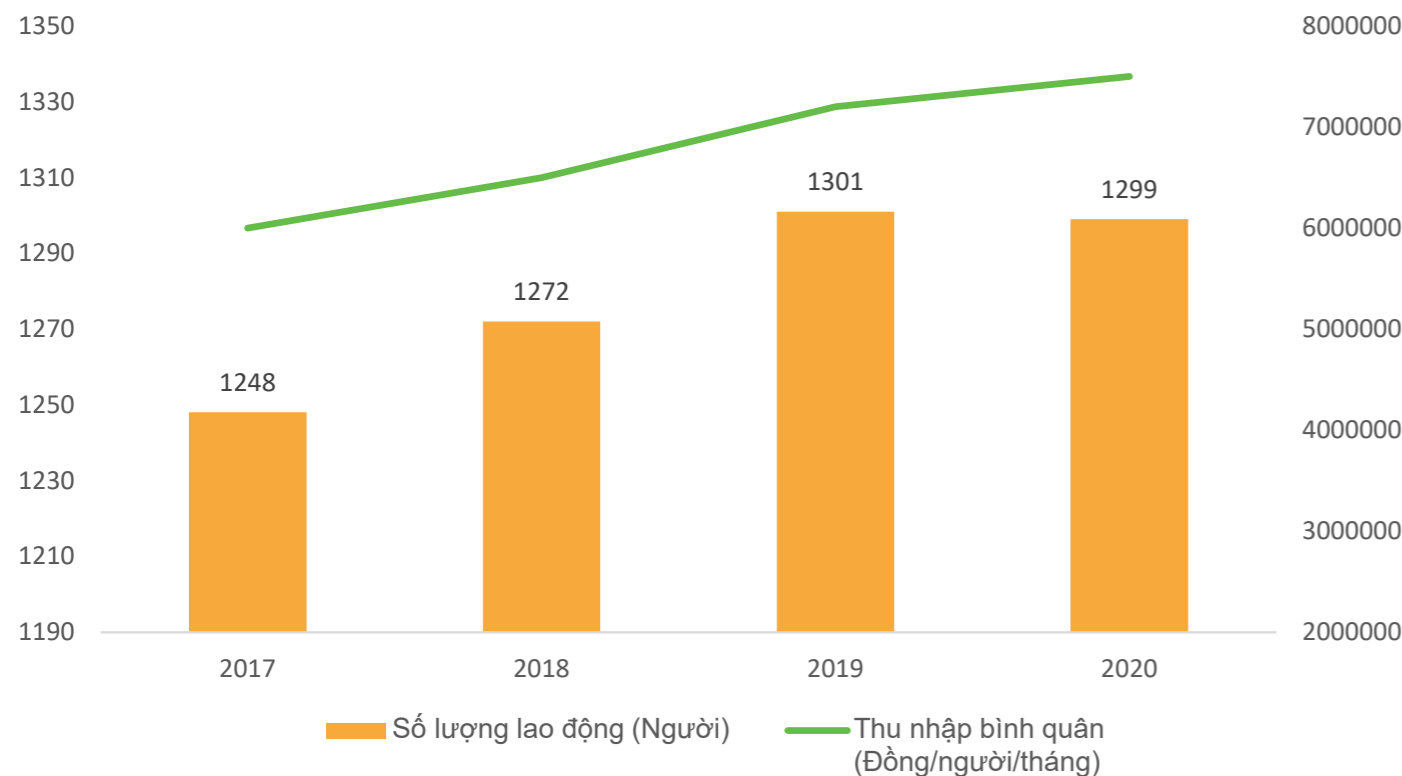




## Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Stt	Năm	Số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2017	1.248	6.000.000
2	2018	1.272	6.500.000
3	2019	1.301	7.200.000
4	2020	1.299	7.500.000

Thu nhập bình quân của CBCNV



## Về đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn như cử cán bộ chủ chốt tham dự các khóa đào tạo về quản trị tài chính, marketing và nhân sự. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa huấn luyện nội bộ cho toàn thể CBCNV để đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai của Công ty.

Tiếp tục phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường 2 để đào tạo và nâng cao năng lực của nhân sự, đảm bảo duy trì các tiêu chuẩn về môi trường và chất lượng như ISO 14001:2015 và ISO 9001:2015 trong thực hành công việc. Công ty còn tăng cường khuyến khích lãnh đạo các phòng ban tổ chức định kỳ các buổi hội thảo, trò chuyện nhằm trao đổi kinh nghiệm làm việc, giải quyết những gút mắc, khó khăn trong hoạt động chuyên môn.



## Về tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Nhân sự được tuyển dụng không chỉ có năng lực phù hợp mà còn được định hướng phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài cùng Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động và sáng tạo trong công việc.

## Về khen thưởng

Chính sách khen thưởng được thực hiện định kỳ theo quý và năm và thưởng đột xuất đối với các cá nhân có thành tích vượt bậc. Việc xét và thưởng định kỳ của Công ty được thực hiện cuối mỗi chu kỳ tài chính. Mức thưởng sẽ được tham chiếu theo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và kết quả đóng góp của từng cá nhân người lao động.

Việc thưởng đột xuất và biểu dương trước tập thể được Công ty thực hiện một cách kịp thời đối với các cá nhân có sáng kiến trong công việc, hoàn thành xuất sắc trong hoạt động kinh doanh, nhằm khuyến khích và động viên đối với người lao động có thành tích.



## Về chính sách phúc lợi

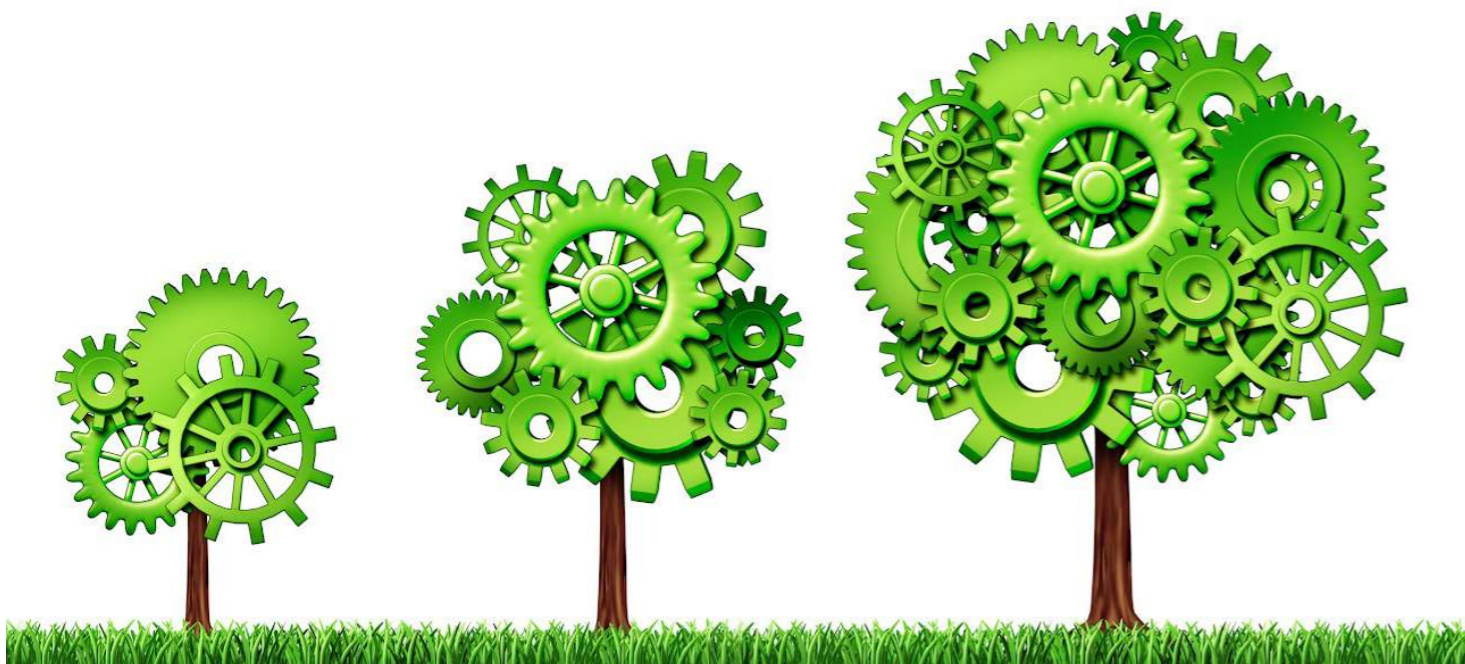
Tất cả người lao động của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn theo quy định. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được Công ty quan tâm. Bên cạnh đó, người lao động trực tiếp được mua bảo hiểm tai nạn lao động theo đúng quy định hiện hành.

Hằng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch 1 lần. Công ty thường thực hiện trợ cấp khó khăn cho người lao động, tổ chức thăm hỏi khi người lao động và người thân ốm đau.

## Về chế độ làm việc

Đối với bộ phận gián tiếp sản xuất (khối văn phòng) sẽ làm việc 40h/tuần còn lao động trực tiếp sản xuất sẽ làm việc theo ca. Tất cả người lao động đều được nghỉ phép theo chế độ của nhà nước hiện hành.

Điều kiện làm việc: văn phòng làm việc sạch sẽ, khang trang, thoáng mát được trang bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ cần thiết phục vụ cho công việc. Công tác bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, an toàn lao động được quan tâm sâu sát và luôn được tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Người lao động làm việc tại các công trường thường được Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CƠ CẤU TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	% Tăng giảm
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	73.531	86.554	17,71%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	26.785	24.609	-8,12%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.895	12.860	18,03%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	29.547	45.910	55,38%
4	Hàng tồn kho	2.704	1.606	-40,61%
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.600	1.569	-56,42%
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	75.728	71.538	-5,53%
1	Các khoản phải thu dài hạn	1.711	1.994	16,54%
2	Tài sản cố định	59.916	58.685	-2,05%
3	Tài sản dở dang dài hạn	1.624	1.595	-1,79%
4	Đầu tư tài chính dài hạn	46	46	-
5	Tài sản dài hạn khác	12.431	9.218	-25,85%
	<b>Tổng tài sản</b>	149.259	158.092	5,92%

Tại ngày 31/12/2020, tổng tài sản của DNE tăng lên gần 6% so với đầu năm. Trong năm qua, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng lên mức 86.554 triệu đồng, hơn 17%. Sự thay đổi cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu do trong năm Công ty phát sinh khoản phải thu ngắn hạn đối với UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng. Khoản phải thu này tăng hơn 80%, chủ yếu do năm vừa qua Đà Nẵng trải qua đồng thời hai rủi ro là đợt bùng dịch Covid-19 và cơn bão số 9 khiến cho các đơn đặt hàng dịch vụ xử lý các vấn đề môi trường của cơ quan chức năng Thành phố tăng mạnh và các thủ tục thanh toán phải trải qua nhiều công đoạn và cần có các chứng từ liên quan.

Ở chiều ngược lại, tài sản dài hạn của Công ty lại giảm 5,53%, trong đó các khoản chi phí sửa chữa dài hạn giảm hơn 31,16% chủ yếu là vì trong năm 2020, Công ty có thanh lý hơn 7,5 tỷ đồng các phương tiện vận tải truyền dẫn và thay mới tương ứng hơn 11 tỷ đồng làm cho các khoản phí sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các tài sản tạo doanh thu giảm xuống.

### CƠ CẤU NỢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	% Tăng giảm
<b>A</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	76.164	82.836	8,76%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	7.737	6.623	-14,40%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	412	653	58,50%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.416	4.993	13,07%
4	Phải trả người lao động	16.068	16.602	3,32%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.561	13.301	139,18%
6	Phải trả ngắn hạn khác	45.329	43.402	-4,25%
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.359)	(2.738)	-
<b>B</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	-	-	-
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	76.164	82.836	8,76%

Trong năm qua, cả tổng nợ phải trả của Công ty và vốn chủ sở hữu đều tăng. Trong đó, tổng nợ phải trả tăng 8,76% nguyên nhân là vì các khoản chi phí phải trả ngắn hạn tăng hơn gấp đôi chủ yếu là vì các khoản phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng, dịch vụ tăng mạnh.

Đối với các tài khoản chiếm tỷ trọng cao còn lại trong mục nợ phải trả của Công ty không biến động quá mạnh. Các khoản phải trả người lao động tăng thêm 3,32%, vì Công ty thực hiện chính sách cố gắng đảm bảo thu nhập của người lao động năm sau cao hơn năm trước, mỗi năm tăng bình quân 10-20%. Ngược lại các khoản phải trả ngắn hạn khác của Công ty giảm hơn 4% là vì các khoản phí liên quan đến quá trình hoạt động trong năm của Công ty giảm gần 3 tỷ đồng.

Một trong những điểm tích cực và cũng là lợi thế của Công ty là Công ty không sử dụng nợ vay để tài trợ cho các khoản sản xuất kinh doanh của mình. Điều này mở ra cho Công ty cơ hội huy động được dòng vốn giá rẻ để gia tăng đầu tư các cơ sở vật chất, mở rộng địa bàn kinh doanh trong xu thế phát triển của Thành phố Đà Nẵng.

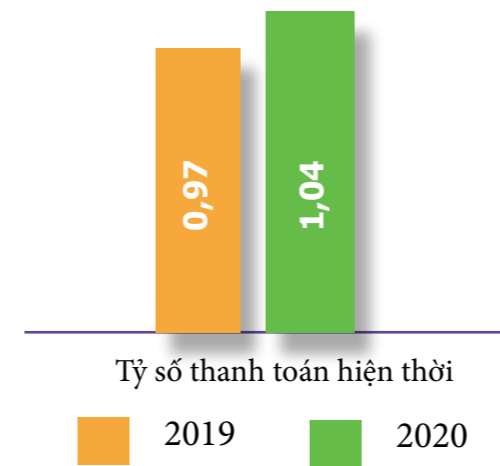


## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

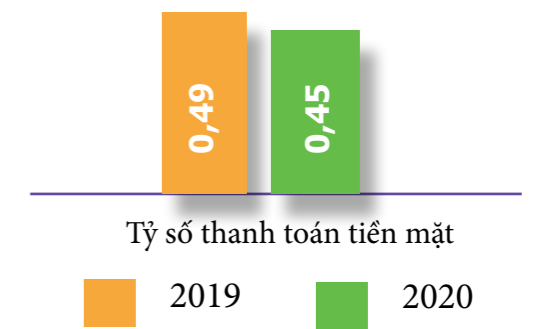
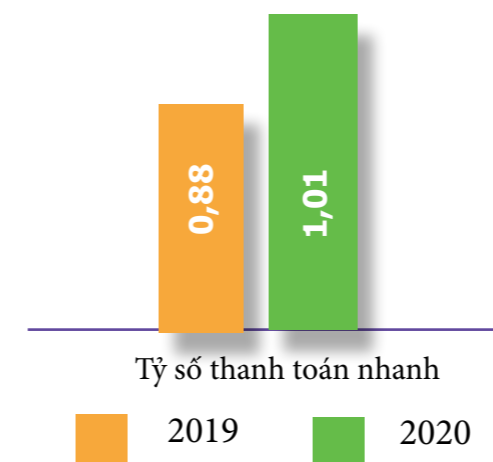
### Các hệ số tài chính quan trọng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Tỷ số thanh khoản hiện thời	Lần	0,97	1,04
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	0,88	1,01
Tỷ số thanh toán tiền mặt	Lần	0,49	0,45
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,04	1,10
Hệ số Nợ/Tài sản	Lần	0,51	0,52
Đòn bẩy tài chính	Lần	2,05	2,07
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	122,82	108,66
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,78	1,69
<b>Những chỉ số về khả năng sinh lời</b>			
ROE	%	17,72%	16,37%
ROA	%	8,63%	7,90%
Biên lợi nhuận gộp	%	11,11%	9,83%
Biên lợi nhuận HĐKD	%	5,61%	5,17%
Biên lợi nhuận ròng	%	4,86%	4,68%

### Khả năng thanh toán



Tỷ số thanh khoản của Công ty trong các năm qua luôn được duy trì ở mức an toàn. Cụ thể năm 2020 là 1,04, tăng hơn 7% so với năm 2019. Điều đó cho thấy trong ngắn hạn, tiềm lực tài chính của Công ty khá vững vàng, đảm bảo cho các hoạt động hằng ngày diễn ra hiệu quả.

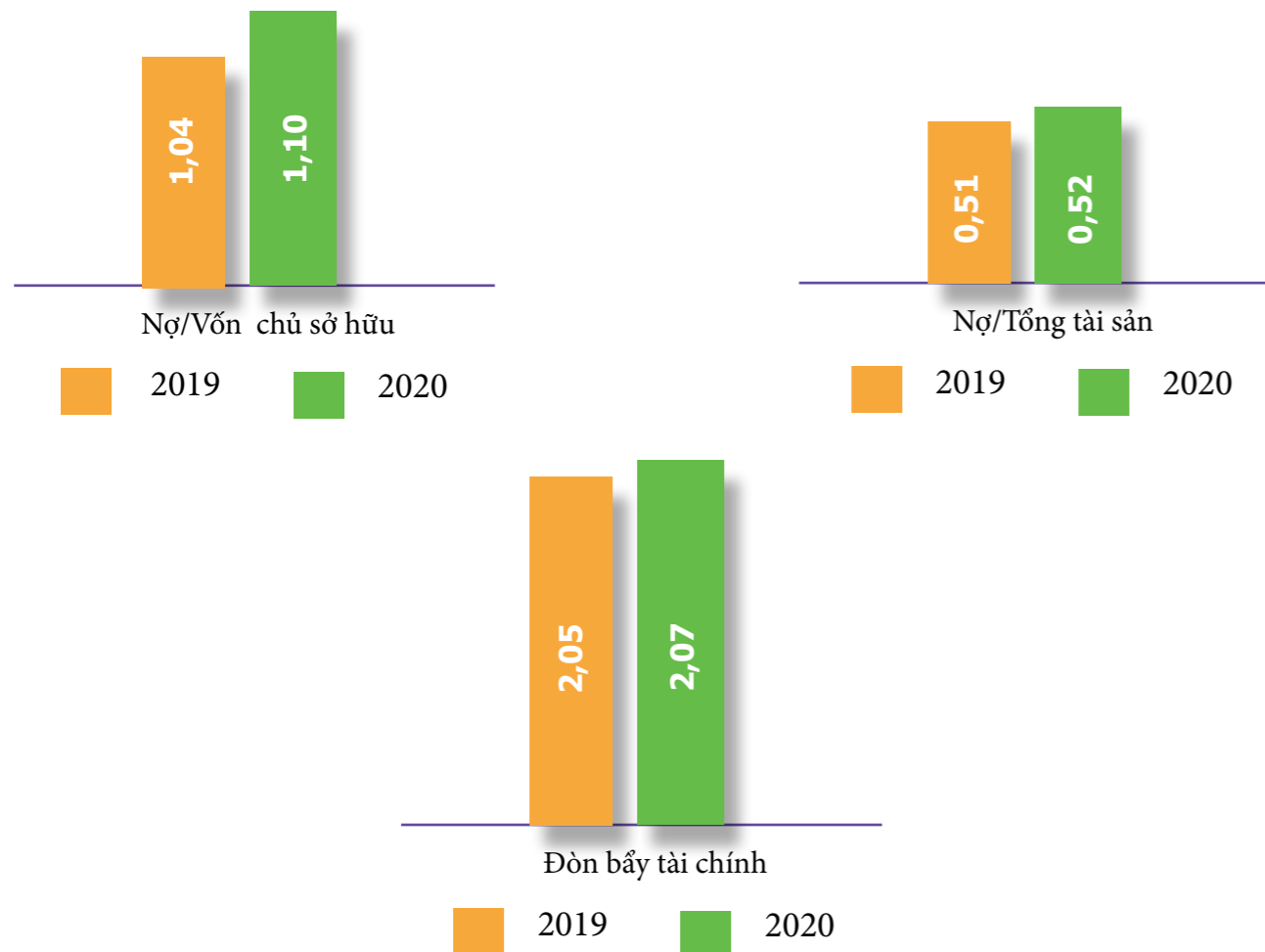


Về hai tỷ số thanh toán nhanh và thanh toán tiền mặt của công ty biến động ngược chiều so với năm 2019. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty, các tài khoản về tiền, tương đương tiền và các khoản phải thu chiếm tỷ trọng cao cho nên tỷ số thanh toán nhanh không chênh lệch quá nhiều so với tỷ số thanh toán hiện thời và tăng gần 15% so với năm ngoái. Đối với tổng lượng tiền và tương đương tiền của Công ty trong năm 2020 không thay đổi quá nhiều, chủ yếu do Công ty gia tăng lượng tiền gửi có kỳ hạn dài và giảm lượng tiền ở các tài khoản thanh toán tại ngân hàng. Trong khi các khoản nợ ngắn hạn của Công ty tăng hơn 8,5% làm cho tỷ số thanh toán tiền mặt của Công ty giảm nhẹ so với năm ngoái.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

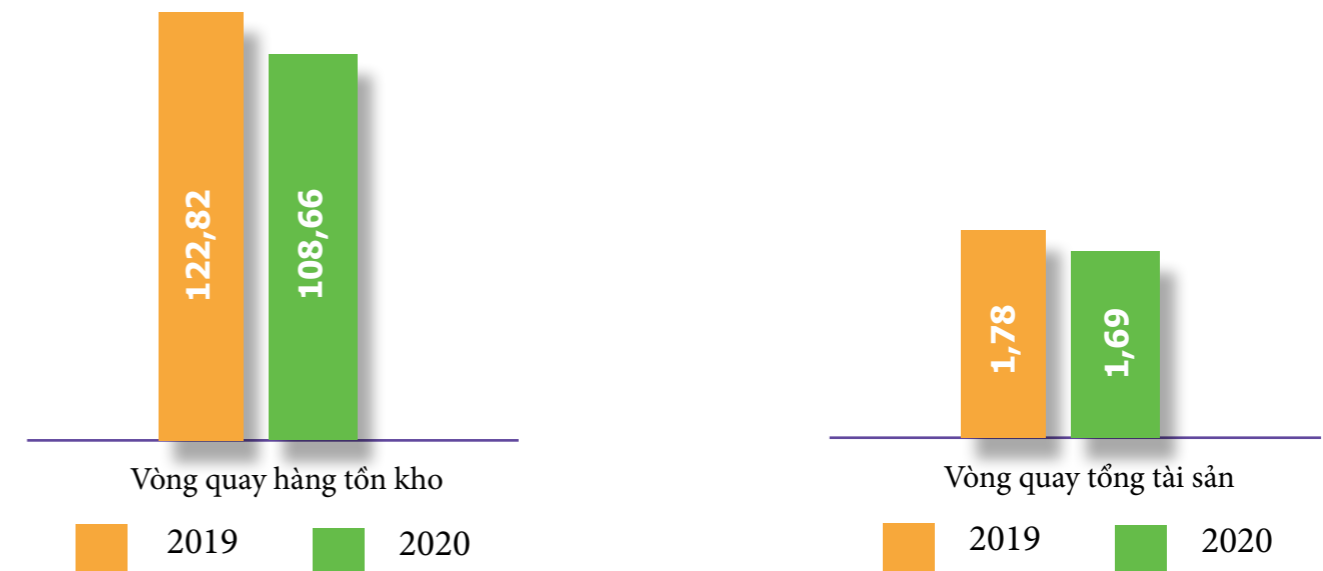
### Cơ cấu vốn



Về cơ cấu nguồn vốn của Công ty trong năm 2020, cả tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty đều tăng, tuy nhiên các khoản nợ của Công ty tăng nhanh hơn khiến cho hầu hết các tỷ số về cơ cấu vốn của Công ty tăng lên. Trong đó, vốn chủ sở hữu của Công ty tăng vì Công ty không sử dụng hết nguồn lợi nhuận ròng năm 2020 và tài khoản Quỹ đầu tư phát triển tăng hơn 1,7 tỷ đồng. Đối với các khoản nợ, trong năm 2020 tăng 8,76%, phần lớn là các khoản chiếm dụng vốn ngắn hạn của Công ty.

Sự thay đổi này khiến cho các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty không được cải thiện. Tuy nhiên, Công ty không dùng các khoản nợ vay tài chính để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày và đầu tư phát triển của mình, các khoản nợ của Công ty chủ yếu là các khoản chiếm dụng vốn ngắn hạn nên về dài hạn lẫn ngắn hạn khả năng hoạt động liên tục của Công ty đều không bị ảnh hưởng.

### Năng lực hoạt động



Về tổng quan, các tỷ số về năng lực hoạt động của công ty năm 2020 sụt giảm so với 2019, vì trong năm, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19, và lĩnh vực kinh doanh của Công ty ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh từ các Công ty tư nhân. Địa bàn kinh doanh chính của Công ty là Thành phố Đà Nẵng bị thiệt hại nặng từ đợt bùng dịch Covid-19 lần 2 và diễn biến tiêu cực từ cơn bão số 9 cuối năm 2020.

Về tỷ số vòng quay tổng tài sản của công ty không thay đổi quá nhiều. Nguyên nhân là vì cả doanh thu và tổng tài sản của Công ty năm 2020 ít biến động so với năm 2019. Mặc dù doanh thu của Công ty tăng trưởng so với giai đoạn mới cổ phần hóa nhưng tỷ số vòng quay tổng tài sản của Công ty vẫn ở mức thấp, nguyên nhân là vì Công ty bị động trong việc thu hồi công nợ, vì phần lớn các đơn đặt hàng cung cấp dịch vụ của Công ty đến từ các cơ quan chức năng ở địa bàn thành phố nên quá trình thanh toán thường mất thời gian do phải trải qua nhiều công đoạn và cần có các chứng từ liên quan.

Hàng tồn kho của Công ty luôn ở mức thấp hơn rất nhiều so với cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty vì đặc thù ngành nghề kinh doanh của DNE là các hoạt động thu gom và xử lý rác thải nên hàng tồn kho thường là các nguyên liệu và công cụ có giá trị thấp. Trong khi, phần lớn chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là tiền lương của CBCNV được hạch toán một phần vào giá vốn tùy theo loại hình dịch vụ cho nên tỷ số vòng quay của Công ty luôn duy trì ở mức cao.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Khả năng sinh lời



Diễn biến cùng chiều với các tỷ số về hoạt động và cơ cấu vốn, trong năm qua khả năng tạo ra lợi nhuận của Công ty cũng sụt giảm nhẹ. Nguyên nhân chính là dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Đà Nẵng và Công ty đang có hiện trạng bị mất dần thị phần do còn chậm trong việc thích nghi với môi trường kinh doanh đấu thầu và mô hình cổ phần hóa. Do đó, Ban Điều hành và HĐQT đang tập trung cải thiện tình hình hoạt động và phát triển các sản phẩm mới để tăng tính cạnh tranh trong tương lai của Công ty.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng vốn đầu tư		Giải ngân đến ngày 31/12/2020	Giá trị đã đưa vào sử dụng
			Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ đầu tư của VCSH		
1	Mua sắm 02 xe cuốn ép vận chuyển rác 14m <sup>3</sup> và 03 xe ô tô ép chở rác 09 m <sup>3</sup> .	Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 03/8/2020	9.005,54	100%	9.005,54	8.192,00
2	Hệ thống camera giám sát an ninh tại bãi rác Khánh Sơn.	Quyết định số 21/QĐ-MTĐT ngày 27/2/2020	167,93	100%	167,93	152,66
3	Mua sắm 01 xe ép rác 02 m <sup>3</sup> , 01 xe ép rác 03 m <sup>3</sup> , 01 xe ép rác 04 m <sup>3</sup> kiểu cặp thùng, nắp đậy và 01 xe ép rác 04 m <sup>3</sup> kiểu ban nâng xả rác.	Quyết định số 41/QĐ-HĐQT ngày 21/12/2020	3.170,22	100%	3.170,22	2.884,13
4	Nhà rửa xe vận chuyển rác thải.	Quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 18/11/2020	634,05	100%	634,05	576,40







## TÌNH HÌNH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

Thông tin cổ phiếu

Vốn điều lệ: 57.736.000.000 đồng.

• Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 5.773.600 cổ phiếu.

• Số lượng cổ phiếu phổ thông: 5.773.600 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 đồng.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.773.600 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

### Cơ cấu cổ đông tính tại ngày 31/12/2020

STT	Loại cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông nhà nước</b>	<b>2.944.536</b>	<b>29.445.360.000</b>	<b>51,00%</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>2.815.564</b>	<b>28.155.640.000</b>	<b>48,76%</b>
1	Cổ đông cá nhân	2.043.377	20.433.770.000	35,40%
2	Cổ đông tổ chức	772.187	7.721.870.000	13,36%
<b>III</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>13.500</b>	<b>135.000.000</b>	<b>0,24%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.773.600</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>100,00%</b>



### Danh sách cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Phân loại cổ đông		Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ
		Nhà nước	Cá nhân/Tổ chức khác		
1	UBND thành phố Đà Nẵng	x		2.944.536	51%
2	Công ty CP Môi trường Việt Nam		x	771.987	13,37%
3	Nguyễn Văn Tuấn		x	391.406	6,78%



## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hiện nay Công ty chủ yếu sử dụng trang thiết bị và nguồn nguyên vật liệu được sản xuất trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như vật liệu xây dựng (cát, đá, xi măng,...), vật tư thiết bị sửa chữa xe chuyên dùng, vật tư thiết bị điện... đúng theo chỉ tiêu quy định của nhà nước. Trong quá trình sử dụng Công ty luôn ý thức bảo quản, tránh hao phí không cần thiết xảy ra. Đối với các Công việc yêu cầu kỹ thuật cao và trang thiết bị thường xuyên bị hao mòn, việc thay mới những trang thiết bị này tốn kém chi phí rất lớn. Do đó, Công ty luôn vận động tập thể người lao động sử dụng công cụ, thiết bị hiệu quả, đóng góp các sáng kiến sửa chữa tái sử dụng, tái chế những công cụ, dụng cụ, thiết bị đã hỏng, nhằm giảm thiểu phát thải ra môi trường và tiết kiệm cho Công ty.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, các văn bản quy định chi tiết thi hành quy phạm pháp luật, đánh giá tác động môi trường rất nhiều, tuy nhiên trong phạm vi quản lý của đơn vị, Công ty chỉ thực hiện những quy định về quản lý chất thải nguy hại, quản lý chất thải rắn thông thường. Công ty thu gom và vận chuyển lượng rác thải của Thành phố đến nơi tập kết để xử lý. Các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động đều được Công ty kết hợp với đơn vị chức năng xử lý theo quy định. Trường hợp phát hiện những chất thải nguy hại, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường... Công ty đều có những thông tin báo cáo về cấp trên xử lý đúng quy định.

### Tiêu thụ nước

Nguồn nước của Công ty chủ yếu đến từ nước máy, ao hồ và nước giếng. Công ty sử dụng nước trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh đường phố và phục vụ cho hoạt động hàng ngày của người lao động. Công ty luôn quan tâm sử dụng đúng, đủ lượng nước theo nhu cầu, không lãng phí nguồn tài nguyên nước. Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu diễn biến khó lường chính vì thế, Công ty luôn quan tâm thực hiện chính sách tiết kiệm nước, khuyến khích tập thể người lao động Công ty sử dụng hợp lý nguồn nước ngọt, tránh gây lãng phí nguồn tài nguyên này.

### Chính sách người lao động

Các chế độ cho người lao động được Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động: trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức cho cán bộ công nhân viên khám sức khỏe định kỳ,... Ngoài ra, môi trường làm việc cũng thực hiện tuân thủ theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và xã hội.

Về tiền lương, thưởng, các khoản phải trả cho người lao động, DNE luôn đảm bảo thực hiện phân bổ quỹ tiền lương theo năng suất và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt. Quỹ tiền lương sau khi Quyết toán được Công ty tiến hành lập phương án tiền lương thông qua các bộ phận trước khi Ban Lãnh đạo phê duyệt làm cơ sở thanh toán tiền lương còn lại cho người lao động. Tiền thưởng vẫn được thực hiện theo quy chế đã được ban hành về thưởng, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Ban Điều hành.

### Tiêu thụ năng lượng

Công ty làm tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo đúng phương án được UBND phê duyệt; luôn có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn cho hoạt động của người dân và đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng thời tiết kiệm chi phí từ ngân sách cho địa phương.

Cải thiện các chính sách phát triển bền vững thông qua các hoạt động tiết kiệm năng lượng. Công ty đã mục tiêu hóa và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiệm năm qua với nhiều hiệu quả.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày, Công ty luôn quán triệt đến cán bộ, người lao động, nêu cao ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng; đầu tư lựa chọn thiết bị hiện đại, tiêu hao ít năng lượng, thay thế dần cho thiết bị lạc hậu, kém hiệu quả như từng bước điều chuyển thay thế bóng đèn LED trong hệ thống chiếu sáng Thành phố, từ đó đã góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng công việc và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng.



**03**

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Thuận lợi

Thành phố Đà Nẵng ngày càng hiện đại và dần trở thành trung tâm kinh tế, phát triển du lịch của Việt Nam, do đó nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ môi trường ngày càng tăng, số lượng người dân tham gia đăng ký sử dụng dịch vụ thu gom rác ngày càng cao.

Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, quan tâm, chỉ đạo sâu sát, tận tình của các cấp lãnh đạo thành phố. Bên cạnh đó, công ty đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các ban ngành địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh.

Tập thể CBCNV và người lao động gắn bó, đoàn kết và phối hợp chặt chẽ trong các nhiệm vụ được giao, tham gia đóng góp ý kiến, ý tưởng hoàn thiện công ty và có tinh thần trách nhiệm cao.

Trong quá trình hoạt động cung cấp các sản phẩm dịch vụ, công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm như: tư vấn dịch vụ thu gom rác, sản xuất xe gom rác đẩy tay, tư vấn, thiết kế về mảng xanh đô thị, cảnh quan, tư vấn, thiết kế trồng các loại cây phù hợp với từng vùng khí hậu, thổ nhưỡng địa phương.

Đấu thầu thành công nhiều gói thầu dịch vụ vệ sinh môi trường quan trọng ở 7 quận, huyện của Thành phố và duy trì bền vững các mối quan hệ với khách hàng.



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Khó khăn

Giá dịch vụ tối đa thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt chưa được UBND thành phố tính đúng tính đủ, cũng như điều chỉnh kịp thời nên ảnh hưởng đến doanh thu dịch vụ. Nguồn lực để đầu tư cho hoạt động này của Công ty cũng thấp hơn các địa phương có điều kiện hạ tầng, kinh tế, xã hội tương đồng.

Các hoạt động đổi mới công nghệ, thay đổi quy trình sản xuất vẫn còn chậm.

Việc đổi mới thích nghi cách thức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp cổ phần của đa số người lao động của Công ty còn chậm, vẫn còn tư tưởng bao cấp, bị động.

Chất lượng nguồn nhân lực hiện nay của Công ty được cải thiện, nhưng vẫn chưa thật tương xứng với yêu cầu trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

Công ty vẫn chưa có những đột phá mạnh về phân cấp, phân quyền cho đơn vị trực thuộc, chưa phát huy hết nguồn nhân lực; phương tiện, trang thiết bị hiện có của Công ty.

Việc đầu tư, thay thế nâng cấp các công trình xử lý chất thải nguy hại trong thời gian dài không được chú trọng, nên việc xin cấp phép bị kéo dài dẫn đến mất khách hàng nhất là đối với doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	262.068	259.600	-0,94%
2	Lợi nhuận trước thuế	14.386	13.853	-3,70%
3	Lợi nhuận sau thuế	12.729	12.141	-4,62%

Năm 2020 là năm mà Công ty chịu nhiều thiệt hại. Việc Thành phố Đà Nẵng phải chịu nhiều thiên tai cùng lúc như đợt bùng phát dịch Covid-19 và cơn bão số 9 khiến cho kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm qua bị ảnh hưởng, kết quả là cả doanh thu và lợi nhuận của Công ty bị tăng trưởng âm lần đầu tiên kể từ khi Công ty thực hiện cổ phần hóa năm 2015. Tuy nhiên, nếu so lợi nhuận sau thuế 2020 của Công ty với giai đoạn mới cổ phần năm 2015 thì con số đã tăng gấp 3,43 lần.

Xem lĩnh vực phục vụ đô thị với thành phố là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính chất quyết định nên sau khi cổ phần hóa Công ty chú trọng đẩy mạnh khai thác các loại hình dịch vụ thu gom xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại, tư vấn kỹ thuật môi trường... đối với các cơ quan ban ngành của thành phố. Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty đã đấu thầu thành công gói thầu dịch vụ vệ sinh môi trường tại 07 quận huyện của thành phố, góp phần tăng trưởng bền vững cho doanh thu của mảng dịch vụ xử lý rác thải.

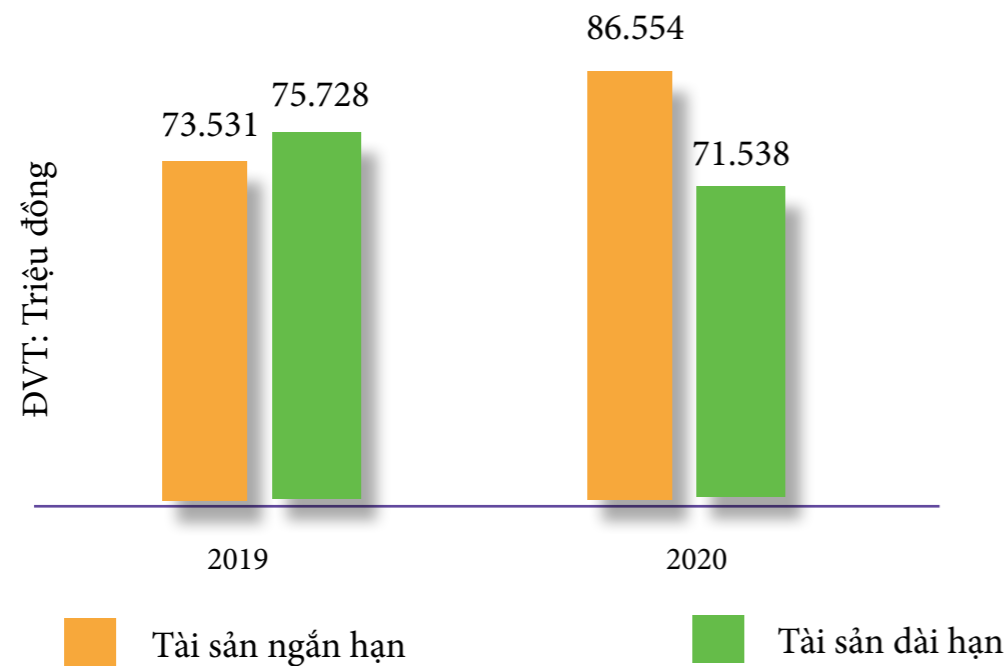
Ngoài duy trì tốt các hoạt động vệ sinh đô thị thường xuyên, Công ty đã tập trung nhân lực, phương tiện hoàn thành tốt công tác vệ sinh, chỉnh trang đô thị phục vụ các dịp Tết Dương Lịch, Tết Nguyên đán, Lễ hội pháo hoa quốc tế, các Dịp lễ hội địa phương và được UBND thành phố đánh giá rất cao.





## Tình hình tài sản

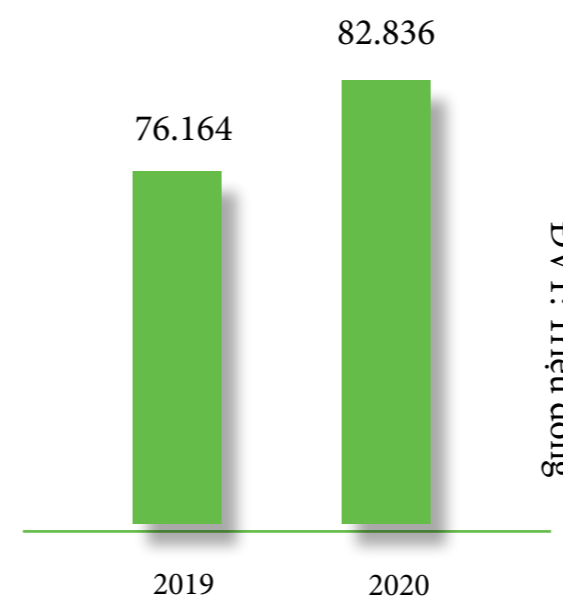
Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		% tăng giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	73.531	49,26%	86.554	54,75%	17,71%
Tài sản dài hạn	75.728	50,74%	71.538	45,25%	-5,53%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>149.259</b>	<b>100,00%</b>	<b>158.092</b>	<b>100,00%</b>	<b>5,92%</b>



Cơ cấu tài sản của Công ty ở năm 2020 có sự chuyển dịch lớn. Tài sản ngắn hạn đã tăng từ 49,26% trong cơ cấu tài sản lên 54,75% ở thời điểm cuối năm 2020, nguyên nhân là do khoản phải thu ngắn hạn tăng lên hơn 55%, chủ yếu đến từ các khoản công nợ của UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng. Khoản phải thu này luôn chiếm tỷ trọng cao vì các hợp đồng có giá trị thực hiện lớn là các dịch vụ về vệ sinh đô thị và cải tạo môi trường, các khách hàng lớn của Công ty cũng đến từ các cơ quan chức năng trong địa bàn Thành phố. Diễn biến khoản phải thu đối với các cơ quan chức năng trong các năm qua thường có độ trễ gần 1 năm so với doanh thu thực hiện vì công tác thanh toán thường đòi hỏi nhiều công đoạn và các thủ tục giấy tờ liên quan. Vì đặc thù ngành nghề kinh doanh là làm dịch vụ nên lượng tài sản ngắn hạn của Công ty tăng trưởng qua các năm trong khi tài sản dài hạn thì dao động quanh mức nhất định. Kết thúc năm 2020 tài sản dài hạn của Công ty không thay đổi quá nhiều, trong năm Công ty có thanh lý các tài sản cố định lâu năm và đầu tư thay mới hơn 11 tỷ đồng.

## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		% tăng giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	76.164	100%	82.836	100%	8,76%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>76.164</b>	<b>100%</b>	<b>82.836</b>	<b>100%</b>	<b>8,76%</b>



Tình hình nợ phải trả của Công ty

Toàn bộ nợ phải trả của Công ty đều là nợ ngắn hạn. Ở thời điểm cuối năm 2020, các khoản nợ của Công ty tăng lên hơn 6,6 tỷ đồng, gần 9% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là vì các chi phí phải trả liên quan các hoạt động công ích, đặt hàng, dịch vụ tăng hơn 150% trong năm 2020. Điểm sáng trong cơ cấu nợ của Công ty là các năm qua, Công ty không sử dụng nợ vay để tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Nguồn vốn hoạt động chủ yếu đến từ lợi nhuận giữ lại và vốn cổ đông.



## NHỮNG CÁI TIẾN VỀ CƠ CẤU, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

### Về công tác nghiên cứu

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tăng cường phát triển sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với tốc độ thay đổi thị hiếu của người dân và tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh ở khu vực hoạt động. Hiện nay, Công ty đang trong quá trình cải tiến phương pháp xử lý rác từ chôn lấp sang chuyển hóa thành phân compost, có thể dùng để bón cho cây trồng. Đây là loại phân sạch, thân thiện với môi trường, có khả năng cải tạo đất. Hình thức xử lý này phù hợp với xu hướng bảo vệ môi trường hiện nay, đồng thời mở ra một thị trường kinh doanh đầy tiềm năng cho Công ty.

### Về công tác quản lý

Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở để đẩy mạnh hiệu quả quản lý doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trong đó, Công ty đã ban hành Quy định về sửa chữa phương tiện, máy móc của công ty; Quy chế Quản lý nghĩa trang....

Ban điều hành liên tục triển khai đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo định kỳ, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng tinh gọn, đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

### Về công tác nhân sự

Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng trình độ kỹ thuật, tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SXKD và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện.

Khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc, góp phần mang lại lợi ích về kinh tế hoặc góp phần nâng cao hiệu quả công việc của bộ phận, nâng cao uy tín, hình ảnh công ty.

### Về quyết toán sản lượng dịch vụ với chủ đầu tư

Công ty tích cực đẩy nhanh tiến độ quyết toán giá trị sản lượng dịch vụ công ích đô thị với UBND Thành phố Đà Nẵng để hoàn tất hồ sơ bàn giao vốn và tài sản từ Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần, đồng thời triển khai Đại hội đồng cổ đông thường niên đúng theo quy định, đảm bảo chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Stt	Nội dung	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	263.120	277.960	289.251	280.772	300.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	8.792	10.110	11.627	13.371	15.376
3	Nộp ngân sách	Tr. đồng	20.230	21.373	22.519	21.787	22.787
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức/vốn điều lệ (tối thiểu)	%	9	9	9	11	11

### Biện pháp thực hiện

- Xây dựng định hướng chiến lược phát triển của Công ty, giai đoạn 2021-2025 theo nguyên tắc dự báo rủi ro làm cơ sở định hướng, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm bám sát theo Kế hoạch trung và dài hạn đã đặt ra;
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các Quy chế nội bộ của Công ty; cải tiến các quy trình, hình thức quản lý không còn phù hợp; xây dựng, điều chỉnh đơn giá, mô hình khoán, quy chế trả lương thưởng và các nội quy, quy chế khác của Công ty phù hợp theo các quy định Nhà nước ban hành, điều chỉnh mới;

- Tiếp tục thực hiện xây dựng đề án việc làm theo tiêu chí phát triển cả về chất và lượng, tăng cường công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý và ý thức trách nhiệm của người lao động;
- Tiến tới thực hiện giao khoán toàn bộ các Xí nghiệp dịch vụ môi trường và kiểm soát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng công nghệ;
- Đẩy mạnh nghiên cứu thực hiện cơ giới hóa phương tiện thu gom, vận chuyển rác tiến đến giảm dần các công việc thực hiện bằng hình thức thủ công, giảm số lượng lao động trực tiếp;
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoàn thiện và nâng cấp phần mềm kế toán, quản lý thu;
- Tiếp tục tập trung phát triển các hoạt động sản xuất mà Công ty đang có lợi thế như: Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp thông thường, xử lý phân bùn bể phốt; đa dạng hóa các loại hình sản xuất kinh doanh như: phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ vệ sinh thu gom rác, chế phẩm sinh hóa xử lý môi trường.

### Giải pháp cụ thể

- Tham gia đấu thầu để được vận hành các Trạm trung chuyển rác do ngân sách thành phố đầu tư;
- Xây dựng và tham mưu UBND thành phố xem xét ban hành đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thay thế đơn giá tại Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 18/11/2017;
- Đầu tư và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả phương án cơ giới hóa hoạt động sản xuất của Công ty giai đoạn 2021-2025, ưu tiên tập trung giai đoạn 2021-2022 nhằm nâng cao năng lực của Công ty để tham gia công tác đấu thầu dịch vụ vệ sinh môi trường từ năm 2022 trở đi;
- Thực hiện giải pháp thu giá dịch vụ vệ sinh đối với hộ gia đình, doanh nghiệp theo hình thức không dùng tiền mặt đạt 70% vào năm 2021, phấn đấu đến năm 2020 đạt trên 85%.





## **04** **BÁO CÁO CỦA** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Các kế hoạch định hướng của HĐQT



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong các năm qua, ở địa bàn thành phố diễn ra sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu các ngành dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và nông nghiệp, trong đó ngành dịch vụ có tỷ lệ trên 55%, cùng với tốc độ đô thị hóa nhanh ở các địa bàn quận: Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Hải Châu và nhất là ý thức, yêu cầu của người dân ngày càng cao trong việc thu gom rác thải; nhưng phương tiện, trang thiết bị của Công ty vẫn còn khiêm tốn. Việc đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động thu gom, lưu giữ của thành phố chưa theo kịp đã tạo sức ép lớn đến hoạt động thu gom, vận chuyển, vệ sinh môi trường đô thị của Công ty.

Nhằm kịp thời đảm bảo mỹ quan đô thị đáp ứng yêu cầu, chất lượng vệ sinh môi trường của Thành phố Du lịch, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, cùng Ban điều hành Công ty từ đầu nhiệm kỳ đã xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện, trang thiết bị; đưa phương tiện mới, thay đổi quy trình sản xuất nhằm tăng cường chất lượng phục vụ, nên từ đầu năm 2020 đến nay cơ bản đã bảo đảm đầy đủ phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác vệ sinh môi trường đô thị. Công ty đã thực hiện xóa hoặc thay thế cách thức vận hành các điểm tập kết thùng rác tạm thời gây bức xúc cho người dân cũng như mở rộng địa bàn phục vụ thu gom rác, nên các phản ánh của người dân, chính quyền địa phương đến hoạt động vệ sinh môi trường đô thị ngày càng giảm so với trước đây.

Đến nay, Công ty đã thống nhất hình thức liên doanh toàn bộ hoạt động Khu xử lý chất thải nguy hại và đang tiến hành lập báo cáo đầu tư, báo cáo ĐTM để triển khai thực hiện theo đúng chỉ đạo của UBND Thành phố.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực trong quản lý, mạnh dạn khai thác, đầu tư tìm thêm thị trường mới, tăng cường nguồn doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động của Ban Tổng Giám đốc, Ban Điều hành cùng các đồng chí lãnh đạo các đơn vị.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, theo dõi công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT về các nội dung công việc theo chức năng nhiệm vụ của Công ty. Cụ thể như sau:

### Về công tác điều hành

- Tổng Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Hàng tháng, báo cáo HĐQT tình hình điều hành và kết quả SXKD thông qua cuộc họp Giao ban để có cơ sở đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.
- Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật của các cơ quan nhà nước về chế độ báo cáo tài chính, hợp đồng... cũng như quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc công bố thông tin đối với Công ty cổ phần đại chúng.

### Về sản xuất kinh doanh

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định. Chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

### Về chính sách đối với người lao động

- Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về chính sách đối với người lao động. Ưu tiên đảm bảo việc làm, chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.
- Quyền lợi của người lao động trong Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.



## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Về các dự án đầu tư, mua sắm và sửa chữa tài sản

- Thực hiện đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành chính thức khu xử lý chất thải mới (giai đoạn 1) thay thế khu xử lý chất thải nguy hại hiện hữu trong quý 4 năm 2021. Kinh phí đầu tư dự kiến: 90 tỷ đồng;
- Hoàn thành đầu tư mua sắm trang thiết bị, phần mềm và đưa vào hoạt động Trung tâm Điều hành sản xuất trong 02 năm 2021-2022. Kinh phí khoảng: 5 tỷ đồng;
- Thực hiện đầu tư thay thế các phương tiện vận chuyển rác thải hiện có của Công ty, thay thế từng bước các xe có niên hạn sử dụng từ 12-15 năm trở lên cộng với bổ sung thêm phương tiện để đáp ứng lượng rác phát sinh trên địa bàn thành phố và phương án cơ giới hóa hoạt động thu gom rác theo yêu cầu của UBND thành phố. Kinh phí dự kiến: 100 tỷ đồng;
- Thực hiện mua sắm 01 ô tô phục vụ đi lại, chấm dứt việc thuê xe dịch vụ bên ngoài. Kinh phí dự kiến: 01 tỷ đồng;
- Thực hiện đầu tư mua sắm thùng rác các loại, xe đẩy tay, xe điện phục vụ thu gom rác. Kinh phí dự kiến: 20 tỷ đồng (trung bình 4 tỷ /năm).



### Về quản lý nợ

- Các khoản nợ phải thu: Công ty đang thực hiện việc thu hồi các khoản nợ từ khách hàng như: thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với hộ dân, doanh nghiệp; hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; đấu thầu dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị đối với UBND các quận, huyện; đấu thầu dịch vụ vệ sinh môi trường ven biển đối với Ban quản lý Bán đảo Sơn Trà và các bãi biển du lịch Đà Nẵng; chi phí đặt hàng xử lý chất thải rắn đô thị (rác thải) tại bãi rác Khánh Sơn đối với Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các khoản nợ phải trả: gồm các khoản nợ phải trả nhà cung cấp nhiên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, phải trả UBND thành phố phần giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư;
- Tình hình và khả năng thanh toán nợ: các khoản nợ về nhiên liệu vận chuyển rác, chi phí sửa chữa xe... đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng thời gian.
- Công ty vẫn chưa sử dụng các khoản vay tài chính ngắn hạn lẫn dài hạn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này mở ra cho Công ty các khoảng dư địa để gia tăng sử dụng đòn bẩy tài chính khi có cơ hội nhằm mở rộng địa bàn kinh doanh và gia tăng lợi nhuận tối đa.



# 05

## Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao, lương thưởng



## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	981.512	17,00%
2	Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT	985.412	17,068%
3	Phạm Quang Sáng	Thành viên HĐQT	985.012	17,061%
4	Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	1.163.393	20,15%
5	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	12.500	0,216%

## CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	3/3	100%
2	Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT	3/3	100%
3	Phạm Quang Sáng	Thành viên HĐQT	3/3	100%
4	Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	3/3	100%
5	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	3/3	100%

## CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ-HĐQT	08/01/2020	Về Phiên họp HĐQT ngày 8/01/2020.	100%
02	02/NQ-HĐQT	24/02/2020	Về việc miễn nhiệm, luân chuyển, bổ trí cán bộ lãnh đạo quản lý.	100%
03	03/NQ-HĐQT	04/03/2020	Về việc luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý.	100%
04	04/NQ-HĐQT	14/04/2020	Về việc Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2020.	100%
05	05/NQ-HĐQT	12/05/2020	Về việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý.	100%
06	06/NQ-HĐQT	27/05/2020	Về việc Phương án giao khoán thực hiện công tác thu gom rác thải, vệ sinh đô thị trên địa bàn quận Hải Châu năm 2020.	100%
07	07/NQ-HĐQT	18/06/2020	Về Phiên họp HĐQT ngày 18/6/2020.	100%
08	08/NQ-ĐHĐCĐ	25/06/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019;</li> <li>Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2019;</li> <li>Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;</li> <li>Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;</li> <li>Trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019;</li> <li>Quyết toán tiền lương, thù lao, thưởng năm 2019 và mức tiền lương kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</li> <li>Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC là đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.</li> </ul>	100%





## CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
09	09/NQ-HĐQT	17/07/2020	Về Phiên họp HĐQT ngày 17/07/2020.	100%
10	10/NQ-HĐQT	20/07/2020	Về việc Điều chỉnh Kế hoạch, sản xuất kinh doanh năm 2020.	100%
11	11/NQ-HĐQT	20/07/2020	Về việc chi trả cổ tức năm 2019.	100%
12	12/NQ-HĐQT	19/10/2020	Về việc thời gian tổ chức Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2020-2025.	80%
13	13/NQ-HĐQT	03/12/2020	Về việc điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý.	100%
14	14/NQ-HĐQT	04/12/2020	Về thời gian tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.	80%
15	15/NQ-HĐQT	25/12/2020	Về thời gian tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (thay thế NQ14).	100%





## CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT	08/01/2020	Về việc quyết toán dự án hoàn thành công trình Hệ thống xử lý bùn thải tại Bãi rác Khánh Sơn. Hạng mục Hệ thống xử lý bùn thải – đợt 01.	80%
2	02/QĐ-HĐQT	15/01/2020	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình Sửa chữa, cải tạo Nhà vệ sinh và Văn phòng làm việc Công ty.	80%
3	03/QĐ-HĐQT	20/01/2020	Về việc phê duyệt bổ sung TK-DT công trình Nhà rửa xe vận chuyển rác thải, hạng mục Xây lắp bổ sung.	80%
4	04/QĐ-HĐQT	02/03/2020	Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường.	80%
5	05/QĐ-HĐQT	02/03/2020	Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kinh doanh và Tư vấn công nghệ môi trường.	80%
6	06/QĐ-HĐQT	02/03/2020	Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Xí nghiệp Quản lý bãi và Xử lý chất thải.	80%
7	07/QĐ-HĐQT	02/03/2020	Về việc phê duyệt xếp hạng nhà thầu gói thầu Mua sắm 03 ô tô ép chõ rác 09 m <sup>3</sup> và 02 xe ô tô ép chõ rác 14m <sup>3</sup> .	80%

## CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
8	08/QĐ-HĐQT	12/03/2020	Về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị và kinh phí thực hiện hạng mục quan trắc môi trường các công trình xử lý chất thải, công trình bảo vệ môi trường tại Khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn.	80%
9	09/QĐ-HĐQT	16/03/2020	Về việc phê duyệt giá trị thanh toán chi phí thuê xe tải ben, máy đào phục vụ xúc và vận chuyển rác thải tại các Bãi đổ tạm về Bãi rác Khánh Sơn.	80%
10	10/QĐ-HĐQT	18/03/2020	Về việc phê duyệt kết quả bán đấu giá thanh lý tài sản phương tiện đã qua sử dụng 01 xe xuồng Biển số 43C-018.10.	80%
11	11/QĐ-HĐQT	23/03/2020	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu Mua sắm 03 ô tô ép chõ rác 09 m <sup>3</sup> và 02 xe ô tô ép chõ rác 14m <sup>3</sup> .	80%
12	12/QĐ-HĐQT	13/04/2020	Dự kiến thời gian, chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và thành lập Ban tổ chức Đại hội.	100%
13	13/QĐ-HĐQT	22/05/2020	Về việc lựa chọn đơn vị thẩm định chất lượng thiết bị gói thầu Mua sắm 03 ô tô ép chõ rác 09 m <sup>3</sup> và 02 xe ô tô ép chõ rác 14m <sup>3</sup> .	100%



CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	14/QĐ-HĐQT	1/06/2020	Về việc ban hành định mức nhiên liệu, nhân công các loại xe cơ giới chuyên dùng và nhân công thu gom rác thải trong dân.	80%
15	15/QĐ-HĐQT	15/06/2020	Về việc phê duyệt giá khởi điểm và quy chế cuộc đấu giá thanh lý phương tiện, thiết bị hư hỏng không còn hoạt động.	80%
16	16/QĐ-HĐQT	19/06/2020	Quyết định Về việc Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	
17	17/QĐ-HĐQT	30/06/2020	Về việc phê duyệt phương án đầu tư Trung tâm điều hành sản xuất tập trung.	80%
18	18/QĐ-HĐQT	30/06/2020	Về việc phê duyệt đơn vị cung cấp gói thầu Mua sắm sắm lớp phục vụ sản xuất quý III/2020.	80%
19	19/QĐ-HĐQT	9/07/2020	Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện lập nhiệm vụ khảo sát địa hình, khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và lập hồ sơ quy hoạch dự án Khu xử lý chất thải nguy hại.	80%

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
20	20/QĐ-HĐQT	9/07/2020	Về việc phê duyệt đơn vị tư vấn thực hiện lập nhiệm vụ khảo sát địa hình, khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và lập hồ sơ quy hoạch dự án Khu xử lý chất thải nguy hại.	80%
21	21/QĐ-HĐQT	20/07/2020	Về việc Phê duyệt đơn vị khám sức khỏe năm 2020 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.	100%
22	22/QĐ-HĐQT	20/07/2020	Về việc thành lập Tổ triển khai dự án "Khu xử lý chất thải nguy hại mới tại Bãi rác Khánh Sơn".	100%
23	23/QĐ-HĐQT	22/07/2020	Về việc phê duyệt dự toán thực hiện Quan trắc môi trường giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của công trình xử lý khí thải lò đốt ST-200 và công trình xử lý nước thải tập trung khu xử lý CTNH Khánh Sơn trong quá trình vận hành thử nghiệm.	80%
24	24/QĐ-HĐQT	22/07/2020	Về việc phê duyệt đơn vị tư vấn thực hiện Quan trắc môi trường giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của công trình xử lý khí thải lò đốt ST-200 và công trình xử lý nước thải tập trung khu xử lý CTNH Khánh Sơn trong quá trình vận hành thử nghiệm.	80%





## CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
25	25/QĐ-HĐQT	24/07/2020	Về việc phê duyệt điều chỉnh giá khởi điểm và tổ chức thực hiện bán thanh lý phương tiện, thiết bị đã hư hỏng không còn hoạt động (Lần 2).	80%
26	26/QĐ-HĐQT	3/08/2020	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành gói thầu Mua sắm 03 ô tô ép chớ rác 09 m <sup>3</sup> và 02 xe ô tô ép chớ rác 14m <sup>3</sup> .	80%
27	27/QĐ-HĐQT	4/08/2020	Về việc phê duyệt dự toán và chỉ định thầu gói thầu Mua sắm thùng rác 240 lít, 660 lít phục vụ chống dịch Covid 19.	80%
28	28/QĐ-HĐQT	4/08/2020	Về việc chỉ định thầu đơn vị tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án ĐTXD Nhà máy xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn.	100%
29	29/QĐ-HĐQT	7/08/2020	Về việc phê duyệt giá và dự toán Gói thầu: Mua sắm 01 xe ép rác 02m <sup>3</sup> ; 01 xe ép rác 03m <sup>3</sup> ; 01 xe ép rác 04m <sup>3</sup> kiểu cặp thùng, nắp đậy và 01 xe ép rác 04m <sup>3</sup> kiểu ben nâng thùng xả rác, có cặp thùng.	80%
30	30/QĐ-HĐQT	25/08/2020	Về việc điều chỉnh giá trị giao thầu đơn vị thi công xây dựng công trình Nhà rửa xe vận chuyển rác thải, hạng mục Xây lắp.	80%

## CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
31	31/QĐ-HĐQT	9/09/2020	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và HSMT Gói thầu: Mua sắm 01 xe ép rác 02m <sup>3</sup> ; 01 xe ép rác 03m <sup>3</sup> ; 01 xe ép rác 04m <sup>3</sup> kiểu cặp thùng, nắp đậy và 01 xe ép rác 04m <sup>3</sup> kiểu ben nâng thùng xả rác, có cặp thùng.	80%
32	32/QĐ-HĐQT	11/09/2020	Về việc ban hành điều chỉnh, bổ sung định mức nhiên liệu, đơn giá nhân công xe chuyên dùng phục vụ thu gom rác.	80%
33	33/QĐ-HĐQT	29/10/2020	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm 01 xe ép rác 02m <sup>3</sup> ; 01 xe ép rác 03m <sup>3</sup> ; 01 xe ép rác 04m <sup>3</sup> kiểu cặp thùng, nắp đậy và 01 xe ép rác 04m <sup>3</sup> kiểu ben nâng thùng xả rác, có cặp thùng.	80%
34	34/QĐ-HĐQT	11/11/2020	Về việc ban hành quy chế Nâng bậc lương, ngạch lương.	80%
35	35/QĐ-HĐQT	18/11/2020	Về việc phê duyệt dự toán gói thầu Sửa chữa máy ủi Shan-tui DH17R.	100%
36	36/QĐ-HĐQT	18/11/2020	Về việc phê duyệt thực hiện kế hoạch lao động, quỹ tiền lương người lao động; Tiền lương, thù lao, tiền thưởng người quản lý thực hiện năm 2019 và kế hoạch năm 2020.	80%



CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
37	37/QĐ-HĐQT	18/11/2020	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Nhà rửa xe vận chuyển rác thải.	80%
38	38/QĐ-HĐQT	4/12/2020	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khối lượng và kinh phí thực hiện công tác quan trắc môi trường các công trình xử lý chất thải, công trình bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm tại khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn.	80%
39	39/QĐ-HĐQT	4/12/2020	Về việc phê duyệt quyết toán kinh phí thực hiện công tác quan trắc môi trường các công trình xử lý chất thải, công trình bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm tại khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn.	80%
40	40/QĐ-HĐQT	14/12/2020	Về việc ban hành định mức chi phí nhân công, vật tư, sửa chữa phương tiện, CCDC áp dụng nội bộ Công ty.	80%
41	41/QĐ-HĐQT	21/12/2020	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Gói thầu: Mua sắm 01 xe ép rác 02m <sup>3</sup> ; 01 xe ép rác 03m <sup>3</sup> ; 01 xe ép rác 04m <sup>3</sup> kiểu cặp thùng, nắp đậy và 01 xe ép rác 04m <sup>3</sup> kiểu ben nâng thùng xả rác, có cặp thùng.	80%

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
42	42/QĐ-HĐQT	29/12/2020	Về việc phê duyệt dự toán kinh phí công trình Đầu tư nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn, hạng mục Lập ĐTM.	80%
43	43/QĐ-HĐQT	30/12/2020	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp gói thầu Mua sắm Bảo hộ lao động năm 2021.	80%
44	44/QĐ-HĐQT	30/12/2020	Về việc phê duyệt dự toán gói thầu Sửa chữa máy ủi DT 140B.	80%





DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu cá nhân/đại diện	Tỷ lệ CP sở hữu cá nhân/đại diện
1	Trương Thị Minh Tuệ	Trưởng ban chuyên trách	3.700	0,006%
2	Đặng Thị Mỹ Hào	BKS không chuyên trách	-	-
3	Lê Thị Vân Vy	BKS không chuyên trách	-	-

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Trương Thị Minh Tuệ	Trưởng ban chuyên trách	4/4	100%	
2	Đặng Thị Mỹ Hào	Thành viên BKS	4/4	100%	
3	Lê Thị Vân Vy	Thành viên BKS	0/4		Nghỉ sinh, con đau

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid, bảo lụt nên việc họp định kỳ hàng quý tại trụ sở Công ty chưa bảo đảm, thông qua các kỳ họp HĐQT đã thực hiện quyền quản lý Công ty trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc điều hành sản xuất kịp thời. Tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT giữa các phiên họp đối với các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; việc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng qui định và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động. Tuy nhiên, còn một số công việc Công ty chưa thực hiện, chưa giải quyết dứt điểm như: tinh giảm lao động gián tiếp; tình hình sử dụng đất tại 469 Núi Thành của Công ty TNHH TM Núi Thành; hoạt động liên doanh với Công ty Cổ Phần Môi trường Toàn Cầu Xanh; công tác thanh toán tiền lương tiền công cho người lao động trực tiếp trong và ngoài Công ty; công tác tổ chức sắp xếp lại hoạt động của Xí nghiệp Dịch vụ môi trường; Công tác đánh giá lại trình độ chuyên môn, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ nhân viên gián tiếp; công tác thu hồi công nợ tồn đọng và xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân liên quan; Cách thức tổ chức công tác thu giá dịch vụ thu vệ sinh môi trường và mở rộng hoạt động kinh doanh,...

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ đầy đủ, thông qua các kỳ họp HĐQT đã thực hiện quyền quản lý Công ty trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, các Quy chế, các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. HĐQT đã tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc điều hành sản xuất kịp thời. Đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản đúng theo quy định của Điều lệ công ty và các quy định pháp luật liên quan để nhanh chóng xử lý một số công việc phát sinh khác trong quá trình hoạt động do không tổ chức cuộc họp.

Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị nhằm đạt được mục tiêu hằng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban, các cuộc họp tổng kết hằng năm để đánh giá tình hình hoạt động phục vụ sản xuất tại các Xí nghiệp cũng như đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh toàn Công ty để xem xét giải quyết các mặt tồn tại và hạn chế nhằm đưa ra các giải pháp kịp thời để tháo gỡ và khắc phục.



SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT VÀ BDH

Trong năm 2020, các cuộc họp của HĐQT đều mời các thành viên trong Ban kiểm soát tham dự. HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định, văn bản cho Ban kiểm soát. Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chuyên môn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, báo cáo, chứng từ,... phục vụ cho công tác giám sát kiểm tra của Ban kiểm soát và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định Điều lệ Công ty.



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Lương, Thưởng	Thù lao HĐQT	Thù lao BKS
1	Phạm Thanh Phúc	335.970.000	-	-
2	Võ Minh Đức	313.170.000	-	-
3	Phạm Quang Sáng	290.370.000	-	-
4	Trần Văn Tiên	244.770.000	-	-
5	Võ Thị Huỳnh Trang	242.597.927	-	-
6	Phạm Trung Thành	-	71.970.000	-
7	Nguyễn Văn Tuấn	-	71.970.000	-
8	Trương Thị Minh Tuệ	290.370.000	-	-
9	Lê Thị Vân Vy	-	-	64.200.000
10	Đặng Thị Mỹ Hào	-	-	71.970.000

Công ty không có giao dịch nội bộ và các hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ.



# 06

## Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính 2020 đã kiểm toán



CÔNG TY  
C PHN  
MÔI TRNG  
ĐÔ TH ĐÀ  
NNG

Digitally signed by CÔNG TY C  
PHN MÔI TRNG ĐÔ TH ĐÀ NNG  
DN: C=VN, S=ĐÀ NNG, L=H  
Châu, CN=CÔNG TY C PHN MÔI  
TRNG ĐÔ TH ĐÀ NNG,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M  
ST.040228640  
Reason: I am the author of this  
document  
Location:  
Date: 2021.03.30 17:49:20

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG  
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG  
ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG**  
**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 điều chỉnh lần 2 ngày 01/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05/04/2017 với mã chứng khoán là DNE.

Vốn điều lệ: 57.736.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2020: 57.736.000.000 đồng

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty có 13 đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Môi trường Sông Biển;
- Xí nghiệp Môi trường Hòa Vang;
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ;
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn;
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà;
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê;
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu;
- Xí nghiệp Quản lý Bãi & Xử lý chất thải;
- Xí nghiệp Sửa chữa;
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường;
- Xí nghiệp Vận chuyển;
- Trung tâm Tư vấn Đầu tư & Phát triển Kỹ nghệ Môi trường.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3622007
- Fax : (84) 0236.3642423
- Website: moitruongdothidanang.com.vn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2020 là 1.297 người. Trong đó viên chức quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                        |            |                          |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Phạm Thanh Phúc  | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 10/12/2018 |
| • Ông Võ Minh Đức      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015 |
| • Ông Nguyễn Văn Tuấn  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015 |
| • Ông Phạm Trung Thành | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Ông Phạm Quang Sáng                      Thành viên                      Bổ nhiệm ngày 10/12/2018

### Ban Kiểm soát

- Bà Trương Thị Minh Tuệ                      Trưởng ban                      Bổ nhiệm ngày 01/10/2015
- Bà Lê Thị Vân Vy                      Thành viên                      Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
- Bà Đặng Thị Mỹ Hào                      Thành viên                      Bổ nhiệm ngày 01/10/2015

### Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

- Ông Võ Minh Đức                      Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 10/12/2018
- Ông Phạm Quang Sáng                      Phó Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 25/01/2016
- Ông Trần Văn Tiên                      Phó Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 25/01/2016
- Bà Võ Thị Huỳnh Trang                      Phó Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 10/07/2019
- Bà Võ Thị Mận                      Phụ trách Kế toán                      Bổ nhiệm ngày 15/08/2019

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Võ Minh Đức**

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2021





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL  
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng  
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 570/2021/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 20/03/2021 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 7 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại mục (iii) của Thuyết minh 9, chi phí phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.170.000.000 đồng hiện đang được Công ty ghi nhận vào khoản mục "Phải thu khác" nhưng chưa xác định được cụ thể đối tượng thu hồi. Việc ghi nhận khoản phải thu nhưng không có đối tượng nợ cụ thể là chưa phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư của các khoản phải thu nêu trên.

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 32, liên quan đến Hợp đồng thầu phụ số 01/2019/HĐ-NTP/VSM-TQLC ngày 01/09/2019 mà Công ty ký với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Miền Trung (Urengo\_MT) thì Công ty đang phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 một khoản doanh thu và giá vốn cùng một số tiền là 1.663.999.092 đồng. Đồng thời với việc ghi nhận trên thì tại ngày 31/12/2020, Báo cáo tài chính cũng đang ghi nhận khoản nợ phải trả Urengo\_MT là 608.643.454 đồng và khoản trích trước chi phí là 1.663.999.092 đồng. Với các tài liệu kế toán hiện có tại Công ty, kiểm toán viên không thể đưa ra ý kiến về các khoản mục này và ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác có liên quan.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty có giá trị âm (tại ngày 31/12/2020 âm 2.738.072.484 đồng, tại ngày 01/01/2020 âm 3.358.829.159 đồng). Việc chi các quỹ vượt quá nguồn hiện có là không phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



**Trần Thị Phương Lan** – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**Trần Xuân Quang** – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4492-2018-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>86.553.837.719</b>	<b>73.530.653.145</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>24.608.790.778</b>	<b>26.784.908.615</b>
1. Tiền	111		14.608.790.778	23.284.908.615
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	3.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.860.109.971</b>	<b>10.895.071.796</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	12.860.109.971	10.895.071.796
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.910.259.579</b>	<b>29.547.484.298</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	33.869.433.212	22.264.612.296
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.774.185.250	1.178.546.060
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	10.211.710.561	6.049.395.386
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		54.930.556	54.930.556
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1.605.703.274</b>	<b>2.703.177.908</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.605.703.274	2.703.177.908
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.568.974.117</b>	<b>3.600.010.528</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	1.565.806.852	3.600.010.528
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	3.167.265	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>71.538.162.200</b>	<b>75.727.665.251</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.994.060.805</b>	<b>1.710.600.843</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	1.994.060.805	1.710.600.843
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>58.684.405.129</b>	<b>59.915.817.076</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	58.681.029.865	59.904.341.152
- Nguyên giá	222		175.385.096.722	171.588.377.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.704.066.857)	(111.684.036.142)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.375.264	11.475.924
- Nguyên giá	228		123.000.000	123.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(119.624.736)	(111.524.076)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.595.184.564</b>	<b>1.624.214.564</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.595.184.564	1.624.214.564
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>46.419.906</b>	<b>46.419.906</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.b	46.419.906	46.419.906
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.218.091.796</b>	<b>12.430.612.862</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	9.218.091.796	12.430.612.862
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>158.091.999.919</b>	<b>149.258.318.396</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>82.836.223.690</b>	<b>76.164.132.860</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>82.836.223.690</b>	<b>76.164.132.860</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.622.691.922	7.737.103.821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		652.640.000	411.540.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.993.226.663	4.415.628.008
4. Phải trả người lao động	314		16.602.406.927	16.068.055.238
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	13.301.382.781	5.561.801.223
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	43.401.947.881	45.328.833.729
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	(2.738.072.484)	(3.358.829.159)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>75.255.776.229</b>	<b>73.094.185.536</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>75.218.676.229</b>	<b>73.084.285.536</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	7.101.660.899	5.379.520.366
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	10.381.015.330	9.968.765.170
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.760.421.714)	(2.760.421.714)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.141.437.044	12.729.186.884
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>37.100.000</b>	<b>9.900.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431	21	37.100.000	9.900.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>158.091.999.919</b>	<b>149.258.318.396</b>

Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán

Người lập biểu

Võ Minh Đức

Võ Thị Mận

Diệp Nguyễn Thế Quang

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	259.599.857.377	262.067.563.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		259.599.857.377	262.067.563.242
4. Giá vốn hàng bán	11	24	234.092.887.909	232.960.802.116
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>25.506.969.468</b>	<b>29.106.761.126</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.123.121.252	585.522.655
7. Chi phí tài chính	22		38.500	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	13.195.936.850	14.984.880.604
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>13.434.115.370</b>	<b>14.707.403.177</b>
11. Thu nhập khác	31	27	922.054.607	57.727.275
12. Chi phí khác	32	28	503.236.083	379.630.016
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>418.818.524</b>	<b>(321.902.741)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>13.852.933.894</b>	<b>14.385.500.436</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.711.496.850	1.656.313.552
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>12.141.437.044</b>	<b>12.729.186.884</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.103	1.571
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	2.103	1.571

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Võ Minh Đức  
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2021

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN  
Võ Thị Mận

NGƯỜI LẬP BIỂU  
Diệp Nguyễn Thế Quang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>13.852.933.894</b>	<b>14.385.500.436</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12, 13	12.988.141.295	13.056.742.406
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25, 27	(1.809.462.808)	(585.522.655)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>25.031.612.381</b>	<b>26.856.720.187</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.737.905.831)	26.955.531.101
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.097.474.634	(1.612.723.890)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.273.207.923	(750.496.821)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.246.724.742	(5.874.208.714)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(1.450.000.000)	(1.420.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		328.000.000	1.008.700.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.336.129.676)	(2.909.437.782)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>15.452.984.173</b>	<b>42.254.084.081</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12, 14	(11.327.024.801)	(12.580.689.356)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		740.268.001	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(1.965.038.175)	(10.941.491.702)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 25	1.048.691.325	181.008.593
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.503.103.650)</b>	<b>(23.341.172.465)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18,20	(6.125.998.360)	(6.715.540.360)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.125.998.360)</b>	<b>(6.715.540.360)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(2.176.117.837)</b>	<b>12.197.371.256</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	26.784.908.615	14.587.537.359
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>24.608.790.778</b>	<b>26.784.908.615</b>

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Võ Minh Đức  
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2021

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN  
Võ Thị Mận

NGƯỜI LẬP BIỂU  
Diệp Nguyễn Thế Quang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 điều chỉnh lần 2 ngày 01/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05/04/2017 với mã chứng khoán là DNE.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 13 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số, gồm:

- Xí nghiệp Môi trường Sông Biển;
- Xí nghiệp Môi trường Hòa Vang;
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ;
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn;
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà;
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê;
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu;
- Xí nghiệp Quản lý Bãi & Xử lý chất thải;
- Xí nghiệp Sửa chữa;
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường;
- Xí nghiệp Vận chuyển;
- Trung tâm Kinh doanh và tư vấn công nghệ Môi trường.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 35
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	5 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 9

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm kế toán	8

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.15 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - Hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải: Áp dụng mức thuế suất 10%.
  - Các hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Hoạt động kinh doanh xã hội hóa: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác nộp theo quy định hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	83.436.343	183.343.601
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.525.354.435	23.101.565.014
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	10.000.000.000	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.608.790.778</b>	<b>26.784.908.615</b>

### 6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	12.860.109.971	12.860.109.971	10.895.071.796	10.895.071.796
<b>Cộng</b>	<b>12.860.109.971</b>	<b>12.860.109.971</b>	<b>10.895.071.796</b>	<b>10.895.071.796</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	46.419.906	46.419.906	46.419.906	46.419.906
<b>Cộng</b>	<b>46.419.906</b>	<b>46.419.906</b>	<b>46.419.906</b>	<b>46.419.906</b>

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Sở Tài nguyên Môi trường TP Đà Nẵng	5.418.876.721	5.497.472.791
UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng	21.912.244.002	12.005.926.607
Các khách hàng dịch vụ	5.837.843.289	4.124.149.498
Các khách hàng công ích	700.469.200	637.063.400
<b>Cộng</b>	<b>33.869.433.212</b>	<b>22.264.612.296</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Thương mại Xây dựng vận tải Trí Đại Phát	1.300.000.000	-
Các đối tượng khác	474.185.250	1.178.546.060
<b>Cộng</b>	<b>1.774.185.250</b>	<b>1.178.546.060</b>

### 9. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	478.943.989	-	404.514.062	-
Tạm ứng	7.628.036.044	-	2.063.741.549	-
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm DT của KTNN (i)	-	-	103.900.957	-
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm CP của BKS (i)	580.487.448	-	602.060.848	-
Chi phí treo lại liên quan đến khoản điều chỉnh giảm DT của KTNN	-	-	417.992.388	-
Phải thu liên quan đến thanh tra thuế giai đoạn cổ phần hóa (ii)	5.402.561	-	738.241.875	-
Tiền phạt vi phạm hành chính (iii)	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-
Phải thu khác	348.840.519	-	548.943.707	-
<b>Cộng</b>	<b>10.211.710.561</b>	<b>-</b>	<b>6.049.395.386</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm CP của BKS (i)	1.994.060.805	-	1.710.600.843	-
<b>Cộng</b>	<b>1.994.060.805</b>	<b>-</b>	<b>1.710.600.843</b>	<b>-</b>

(i) Là khoản phải thu các cá nhân có liên quan đến các khoản chi phí bị xuất toán năm 2016 tương ứng khối lượng, đơn giá, định mức bị giảm trừ theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và các khoản chi phí khoán dịch vụ năm 2016 bị xuất toán tương ứng khối lượng bị giảm trừ theo kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(ii) Là khoản phạt thuế do thanh, kiểm tra thuế trong giai đoạn từ sau ngày xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2015) đã quy trách nhiệm và sẽ thu lại từ các cá nhân có liên quan.

(iii) Là khoản phạt vi phạm hành chính về môi trường. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa có phương án xử lý và thu hồi.

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	284.776.346	-	403.525.600	-
Công cụ, dụng cụ	1.320.926.928	-	2.299.652.308	-
<b>Cộng</b>	<b>1.605.703.274</b>	<b>-</b>	<b>2.703.177.908</b>	<b>-</b>

**11. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí sửa chữa	562.956.322	2.169.384.918
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	958.712.506	1.386.367.927
Chi phí bảo hiểm, tiền thuê nhà đất, khoản khác	44.138.024	44.257.683
<b>Cộng</b>	<b>1.565.806.852</b>	<b>3.600.010.528</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí sửa chữa	5.771.432.169	8.384.659.370
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.791.672.836	2.655.052.535
Các khoản khác	1.654.986.791	1.390.900.957
<b>Cộng</b>	<b>9.218.091.796</b>	<b>12.430.612.862</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	85.200.886.184	3.391.094.453	82.291.602.649	704.794.008	171.588.377.294
Mua sắm trong năm	-	-	11.076.220.181	256.884.545	11.333.104.726
Đ/tư XDCB h/thành	576.409.091	110.915.000	-	-	687.324.091
T/lý, nhượng bán	-	362.308.847	7.576.036.906	-	7.938.345.753
Giảm trong năm	285.363.636	-	-	-	285.363.636
<b>Số cuối năm</b>	<b>85.491.931.639</b>	<b>3.139.700.606</b>	<b>85.791.785.924</b>	<b>961.678.553</b>	<b>175.385.096.722</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	55.792.290.973	2.602.353.208	53.057.252.716	232.139.245	111.684.036.142
Khấu hao trong năm	5.637.447.434	388.655.181	6.774.682.431	179.255.589	12.980.040.635
T/lý, nhượng bán	-	362.308.847	7.522.110.461	-	7.884.419.308
Giảm trong năm	75.590.612	-	-	-	75.590.612
<b>Số cuối năm</b>	<b>61.354.147.795</b>	<b>2.628.699.542</b>	<b>52.309.824.686</b>	<b>411.394.834</b>	<b>116.704.066.857</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	29.408.595.211	788.741.245	29.234.349.933	472.654.763	59.904.341.152
<b>Số cuối năm</b>	<b>24.137.783.844</b>	<b>511.001.064</b>	<b>33.481.961.238</b>	<b>550.283.719</b>	<b>58.681.029.865</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 38.327.695.446 đồng.

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	123.000.000	123.000.000
Mua trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>123.000.000</b>	<b>123.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	111.524.076	111.524.076
Khấu hao trong năm	8.100.660	8.100.660
<b>Số cuối năm</b>	<b>119.624.736</b>	<b>119.624.736</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	11.475.924	11.475.924
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.375.264</b>	<b>3.375.264</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 58.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí mua sắm TSCĐ	-	30.909.091
Hệ thống xử lý nước thải	786.602.728	786.602.728
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	808.581.836	806.702.745
<b>Cộng</b>	<b>1.595.184.564</b>	<b>1.624.214.564</b>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Xăng dầu khu vực V-TNHH Một Thành Viên	952.070.988	1.702.429.200
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng vận tải Trí Đại Phát	926.011.248	-
Công ty TNHH Một thành viên Đinh Phát Đạt	1.019.127.500	836.018.436
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - CN Miền Trung	608.643.454	627.093.000
Các đối tượng khác	3.116.838.732	4.571.563.185
<b>Cộng</b>	<b>6.622.691.922</b>	<b>7.737.103.821</b>

**16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.474.580.866	18.400.226.418	18.081.472.727	-	3.793.334.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	782.188.682	1.711.496.850	1.450.000.000	-	1.043.685.532
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.144.276	665.199.595	677.511.136	3.167.265	-
Thuế tài nguyên	-	256.800	5.182.400	4.992.800	-	446.400
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.893.527.616	1.893.527.616	-	-
Các loại thuế khác	-	-	16.000.000	16.000.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	149.457.384	28.693.752	22.390.962	-	155.760.174
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.415.628.008</b>	<b>22.720.326.631</b>	<b>22.145.895.241</b>	<b>3.167.265</b>	<b>4.993.226.663</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng, dịch vụ	13.259.791.872	5.210.835.304
Trích trước chi phí vượt thu	-	309.375.010
Các khoản trích trước khác	41.590.909	41.590.909
<b>Cộng</b>	<b>13.301.382.781</b>	<b>5.561.801.223</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	687.716.674	-
Phải trả về cổ phần hoá (*)	3.642.487.363	3.642.487.363
Cổ tức phải trả	336.262.198	111.300.558
UBND Thành phố Đà Nẵng (*)	37.513.816.115	37.513.816.115
Phải trả khác	1.221.665.531	4.061.229.693
<b>Cộng</b>	<b>43.401.947.881</b>	<b>45.328.833.729</b>

(\*) Là các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa và giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư phải trả lại cho UBND Thành phố Đà Nẵng.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm		Số thực chi trong năm	Số cuối năm
	Phải thu	Phải nộp		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.378.545.957)	3.407.836.351	2.855.188.008	(2.825.897.614)
Quỹ thưởng Ban điều hành	19.716.798	248.250.000	180.141.668	87.825.130
<b>Cộng</b>	<b>(3.358.829.159)</b>	<b>3.656.086.351</b>	<b>3.035.329.676</b>	<b>(2.738.072.484)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	57.736.000.000	3.481.335.556	8.801.222.096	70.018.557.652
Tăng trong năm	-	1.898.184.810	12.729.186.884	14.627.371.694
Giảm trong năm	-	-	11.561.643.810	11.561.643.810
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>5.379.520.366</b>	<b>9.968.765.170</b>	<b>73.084.285.536</b>
Số dư tại 01/01/2020	57.736.000.000	5.379.520.366	9.968.765.170	73.084.285.536
Tăng trong năm	-	1.722.140.533	12.141.437.044	13.863.577.577
Giảm trong năm	-	-	11.729.186.884	11.729.186.884
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>7.101.660.899</b>	<b>10.381.015.330</b>	<b>75.218.676.229</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
UBND Thành phố Đà Nẵng	29.445.360.000	29.445.360.000
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nam	7.719.870.000	7.719.870.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	3.914.060.000	3.914.060.000
Các cổ đông khác	16.656.710.000	16.656.710.000
<b>Cộng</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>57.736.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.773.600	5.773.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.968.765.170	8.801.222.096
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	12.141.437.044	12.729.186.884
Phân phối lợi nhuận	11.729.186.884	11.561.643.810
- Phân phối lợi nhuận năm trước	11.729.186.884	11.561.643.810
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	1.722.140.533	1.898.184.810
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	248.250.000	248.250.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.407.836.351	3.064.249.000
+ Chia cổ tức	6.350.960.000	6.350.960.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>10.381.015.330</b>	<b>9.968.765.170</b>

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020.

**e. Cổ tức**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020 của Công ty, cổ tức năm 2019 được trả bằng tiền với tỷ lệ 11% vốn điều lệ. Theo đó, ngày 05/08/2020, Công ty đã thông báo ngày đăng ký cuối cùng để hưởng cổ tức bằng tiền vào ngày 07/08/2020 và thời gian thực hiện ngày 07/09/2020.

**21. Nguồn kinh phí**

	31/12/2020	01/01/2020
Nguồn kinh phí kỳ trước chuyển sang	9.900.000	523.600.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	328.000.000	1.008.700.000
Chi sự nghiệp	300.800.000	1.522.400.000
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b>37.100.000</b>	<b>9.900.000</b>

**22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

Tên tài sản	Số lượng
Công trình Đóng cửa bãi rác Khánh Sơn	1
Nhà vệ sinh đông cầu Sông Hàn	1
Nhà vệ sinh góc đường Yên Bái và Nguyễn Thái Học	1
Nhà vệ sinh Công viên Bạch Đằng Đông	1
Nhà vệ sinh Trung tâm Hội chợ triển lãm	1

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	95.595.151.891	105.666.199.781
Doanh thu thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước	123.579.439.321	120.474.352.803
Doanh thu dịch vụ thu gom rác thải y tế, công nghiệp, xử lý bùn...	40.237.370.710	35.136.929.750
Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học	187.895.455	790.080.908
<b>Cộng</b>	<b>259.599.857.377</b>	<b>262.067.563.242</b>

#### 24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	233.984.536.668	232.424.291.252
Giá vốn của hàng hóa đã bán	108.351.241	536.510.864
<b>Cộng</b>	<b>234.092.887.909</b>	<b>232.960.802.116</b>

#### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi	1.123.121.252	585.522.655
<b>Cộng</b>	<b>1.123.121.252</b>	<b>585.522.655</b>

#### 26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên quản lý	6.985.216.639	7.407.402.753
Chi phí vật liệu quản lý	255.171.558	291.951.817
Chi phí đồ dùng văn phòng	289.435.828	337.913.077
Chi phí khấu hao TSCĐ	299.689.856	301.412.334
Thuế, phí và lệ phí	1.157.329.926	693.513.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.284.890.972	4.974.901.801
Chi phí bằng tiền khác	924.202.071	977.785.214
<b>Cộng</b>	<b>13.195.936.850</b>	<b>14.984.880.604</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 27. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	686.341.556	-
Tiền thanh lý công cụ dụng cụ	62.385.455	-
Bán hồ sơ môi trường	5.999.996	22.727.275
Tiền thu từ bồi thường chi phí xây dựng, di dời	98.756.000	-
Các khoản khác	68.571.600	35.000.000
<b>Cộng</b>	<b>922.054.607</b>	<b>57.727.275</b>

#### 28. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền phạt vi phạm hành chính	15.150.695	94.320.925
Chi phí loại trừ theo Biên bản kiểm toán nhà nước	-	250.000.000
Chi phí mở thầu	-	10.700.000
Chi phí khác	488.085.388	24.609.091
<b>Cộng</b>	<b>503.236.083</b>	<b>379.630.016</b>

#### 29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.852.933.894	14.385.500.436
- Từ hoạt động kinh doanh xã hội hóa	11.998.607.731	13.495.633.629
- Từ hoạt động khác	1.854.326.163	889.866.807
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.407.708.441	1.227.167.379
- Điều chỉnh tăng	1.407.708.441	1.227.167.379
+ Phạt vi phạm hành chính	15.150.695	94.320.925
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	220.800.000	236.880.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.171.757.746	895.966.454
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	15.260.642.335	15.612.667.815
- Từ hoạt động kinh doanh xã hội hóa	13.406.316.172	14.722.801.008
- Từ hoạt động khác	1.854.326.163	889.866.807

#### Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<b>1.711.496.850</b>	<b>1.656.313.552</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.711.496.850	1.650.253.462
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	13.751.595
- Chi phí thuế TNDN truy thu của Xí nghiệp dịch vụ môi trường	-	(7.691.505)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.141.437.044	12.729.186.884
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(3.656.086.351)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	3.656.086.351
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.141.437.044	9.073.100.533
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.773.600	5.773.600
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>2.103</b>	<b>1.571</b>

- Chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ và Đại hội đồng Cổ đông không quy định trích lập các quỹ này. Theo đó, chỉ tiêu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định sau này của Đại hội đồng Cổ đông.

**31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.882.973.692	41.759.500.510
Chi phí nhân công	138.116.011.537	140.391.146.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.988.141.295	13.056.742.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.313.695.056	50.334.210.364
Chi phí khác bằng tiền	3.879.651.938	1.867.571.684
<b>Cộng</b>	<b>247.180.473.518</b>	<b>247.409.171.856</b>

**32. Giao dịch liên quan đến Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Miền Trung**

Theo Hợp đồng thầu phụ số 01/2019/HĐ-NTP/VSMT-QLC ngày 01/09/2019 và Biên bản làm việc ngày 07/8/2019 giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Miền Trung (sau đây gọi tắt là Urenco\_MT), Công ty thuê Urenco\_MT thực hiện thu gom rác thải của các tổ chức, hộ gia đình trên địa bàn 2 phường Hòa Hiệp Bắc và Hòa Hiệp Nam thay Công ty. Theo hợp đồng, hàng tháng Công ty sẽ xuất hóa đơn đầu ra và giao cho Urenco\_MT thu hộ phí thu gom rác thải. Sau khi thu được tiền, Urenco\_MT sẽ chuyển tiền cho Công ty, đồng thời quyết toán khối lượng và xuất hóa đơn cho Công ty.

Từ tháng 4/2020 đến 31/12/2020, Urenco\_MT đơn phương chấm dứt việc thực hiện theo các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng và Biên bản làm việc được ký kết giữa hai Bên, Urenco\_MT tự thực hiện xuất hóa đơn thu phí đồng thời không thực hiện quyết toán lại với Công ty. Công ty đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu Urenco\_MT thực hiện đúng quy định hợp đồng nhưng chưa có kết quả.

Theo đó, từ tháng 4/2020 đến tháng 12/2020, Công ty đã phát hành hóa đơn hàng tháng theo đúng nội dung của Hợp đồng và biên bản làm việc giữa hai bên để ghi nhận doanh thu rác thải với số tiền (cả

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VAT) là 2.015.662.550 đồng và theo dõi khoản nợ phải thu Urenco\_MT với số tiền này. Sau khi trừ khoản khách hàng thanh toán trực tiếp là 185.263.550 đồng, khoản nợ còn lại 1.830.399.000 đồng Công ty bù trừ vào khoản nợ phải trả Urenco\_MT của Hợp đồng thầu phụ trên. Đến thời điểm 31/12/2020, báo cáo tài chính đang ghi nhận khoản nợ phải trả Urenco\_MT với số tiền 608.643.454 đồng và khoản nợ này cũng chưa được Urenco\_MT đối chiếu xác nhận.

Để đảm bảo giá vốn phù hợp với doanh thu, Công ty đã trích trước chi phí thầu phụ phải trả cho Urenco\_MT vào giá vốn trong năm với số tiền 1.663.999.092 đồng, chi phí trích trước này hiện đang ghi nhận tại khoản mục “Chi phí phải trả”.

**33. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải và trong khu vực địa lý chủ yếu là thành phố Đà Nẵng.

**34. Quản lý rủi ro**

**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ cũng như không sử dụng nguồn vốn vay nên hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

**Quản lý rủi ro về giá**

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh môi trường đô thị nên chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí nhân công và các chi phí vật tư, nhiên liệu, dịch vụ mua ngoài khác. Đối với chi phí nhân công, Công ty xây dựng quỹ tiền lương theo qui định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 áp dụng cho các Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Đối với vật tư, nhiên liệu, dịch vụ mua ngoài khác, Công ty tham khảo giá của nhiều nhà cung cấp để đảm bảo giá mua là hợp lý. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Các khách hàng chính của Công ty đến từ số đông người dân, doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng dịch vụ, tiền dịch vụ được thanh toán kịp thời, đầy đủ; Các khách hàng là Cơ quan nhà nước (như: Sở Tài nguyên & Môi trường và các Quận, Huyện, Thành phố) thanh toán gói đầu bằng nguồn vốn Ngân sách. Ngoài ra đối với các khách hàng khác, Công ty thường tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính, có hợp đồng ràng buộc chặt chẽ về tiến độ thanh toán gắn với khối lượng công việc thực hiện; luôn theo dõi, đối chiếu thông tin về công nợ để kịp thời

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đôn đốc, triển khai các biện pháp thu nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.622.691.922	-	6.622.691.922
Chi phí phải trả	13.301.382.781	-	13.301.382.781
Phải trả khác	1.557.927.729	-	1.557.927.729
<b>Cộng</b>	<b>21.482.002.432</b>	<b>-</b>	<b>21.482.002.432</b>

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	7.737.103.821	-	7.737.103.821
Chi phí phải trả	5.561.801.223	-	5.561.801.223
Phải trả khác	4.172.530.251	-	4.172.530.251
<b>Cộng</b>	<b>17.471.435.295</b>	<b>-</b>	<b>17.471.435.295</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.608.790.778	-	24.608.790.778
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.860.109.971	46.419.906	12.906.529.877
Phải thu khách hàng	33.869.433.212	-	33.869.433.212
Phải thu khác	827.784.508	-	827.784.508
<b>Cộng</b>	<b>72.166.118.469</b>	<b>46.419.906</b>	<b>72.212.538.375</b>

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.784.908.615	-	26.784.908.615
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.895.071.796	46.419.906	10.941.491.702
Phải thu khách hàng	22.264.612.296	-	22.264.612.296
Phải thu khác	947.956.014	-	947.956.014
<b>Cộng</b>	<b>60.892.548.721</b>	<b>46.419.906</b>	<b>60.938.968.627</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**35. Thông tin về các bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
UBND Thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc (Quận, Huyện, sở ban ngành)	Cổ đông lớn

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong niên độ kế toán**

Giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
UBND Thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc (Quận, Huyện, sở ban ngành) Thu gom rác theo đơn đặt hàng	123.579.439.321	120.474.352.803

**c. Số dư với các bên liên quan**

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng		
Phải thu khách hàng	21.912.244.002	12.005.926.607
Phải trả khác	37.513.816.115	37.513.816.115

**d. Các giao dịch khác**

Bên liên quan	Nội dung	Năm 2020	Năm 2019
Ông Phạm Thanh Phúc	Lương, thưởng	335.970.000	372.100.000
Ông Võ Minh Đức	Lương, thưởng	313.170.000	358.316.000
Ông Phạm Quang Sáng	Lương, thưởng	290.370.000	333.116.000
Ông Trần Văn Tiên	Lương, thưởng	244.770.000	282.716.000
Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Lương, thưởng	242.597.927	147.695.545
	Thù lao BKS	-	29.610.000
Ông Phạm Trung Thành	Thù lao HĐQT	71.970.000	83.636.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thù lao HĐQT	71.970.000	83.636.000
Bà Trương Thị Minh Huệ	Lương, thưởng	290.370.000	328.512.959
Bà Lê Thị Vân Vy	Thù lao BKS	64.200.000	31.610.000
Bà Đặng Thị Mỹ Hào	Thù lao BKS	71.970.000	83.636.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 36. Cam kết thuê hoạt động đối với đất thuê

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng (bên liên quan) với các hợp đồng như sau:

Hợp đồng số	Diện tích đất thuê (m2)	Vị trí	Mục đích thuê	Giá thuê (đồng/m2/năm)	Phương thức nộp
46/HĐTĐ ngày 24/12/2012	2.123,7	469 Núi Thành, Đà Nẵng	Nhà làm việc, nhà xưởng, kho	140.868	Nộp tiền hằng năm
47/HĐTĐ ngày 24/12/2012	2.437,6	471 Núi Thành, Đà Nẵng	Nhà làm việc, nhà xưởng, kho	137.985	Nộp tiền hằng năm
06/HĐTĐ ngày 15/06/2020	783,2	Đường Trần Nhân Tông, Sơn Trà, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Sơn Trà	312.720	Nộp tiền hằng năm
05/HĐTĐ ngày 15/06/2020	249,9	Đường Ấp Bắc, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Ngũ Hành Sơn	89.980	Nộp tiền hằng năm
04/HĐTĐ ngày 15/06/2020	201,4	Đường Trà Na 2, Liên Chiểu, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Liên Chiểu	62.280	Nộp tiền hằng năm
03/HĐTĐ ngày 15/06/2020	81,0	Đường Đinh Núp, Thanh Khê, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Thanh Khê	171.340	Nộp tiền hằng năm
02/HĐTĐ ngày 15/06/2020	44,7	Đường Bạch Đằng, Hải Châu, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Hải Châu	4.742.400	Nộp tiền hằng năm

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 38. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán

Người lập biểu

Võ Minh Đức

Võ Thị Mận

Diệp Nguyễn Thế Quang

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2021



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

**VÕ MINH ĐỨC**